PHỤ LỤC IV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ....16../BC-TL	*Bình Dương, ngày 19. tháng 04 năm 2024*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2023

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700146458
- Vốn điều lệ: 2.366.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 63 Đường Yersin, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Số điện thoại: (0274) 3829534 - 3829535
- Số fax: (0274) 3824112 - 3829533
- Website: http://thalexim.vn/
- Mã cổ phiếu: TLP

Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nguyên là Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 12 năm 2023.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP là doanh nghiệp đã được Bộ Công thương cấp Giấy xác nhận đủ

Signature Not Verified
Ký bởi: TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP
Ký ngày: 19/4/2024 17:40:02

điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu xăng dầu, mua bán nguyên liệu, nhiên liệu xăng dầu, có mạng lưới bán buôn, bán lẻ xăng dầu.

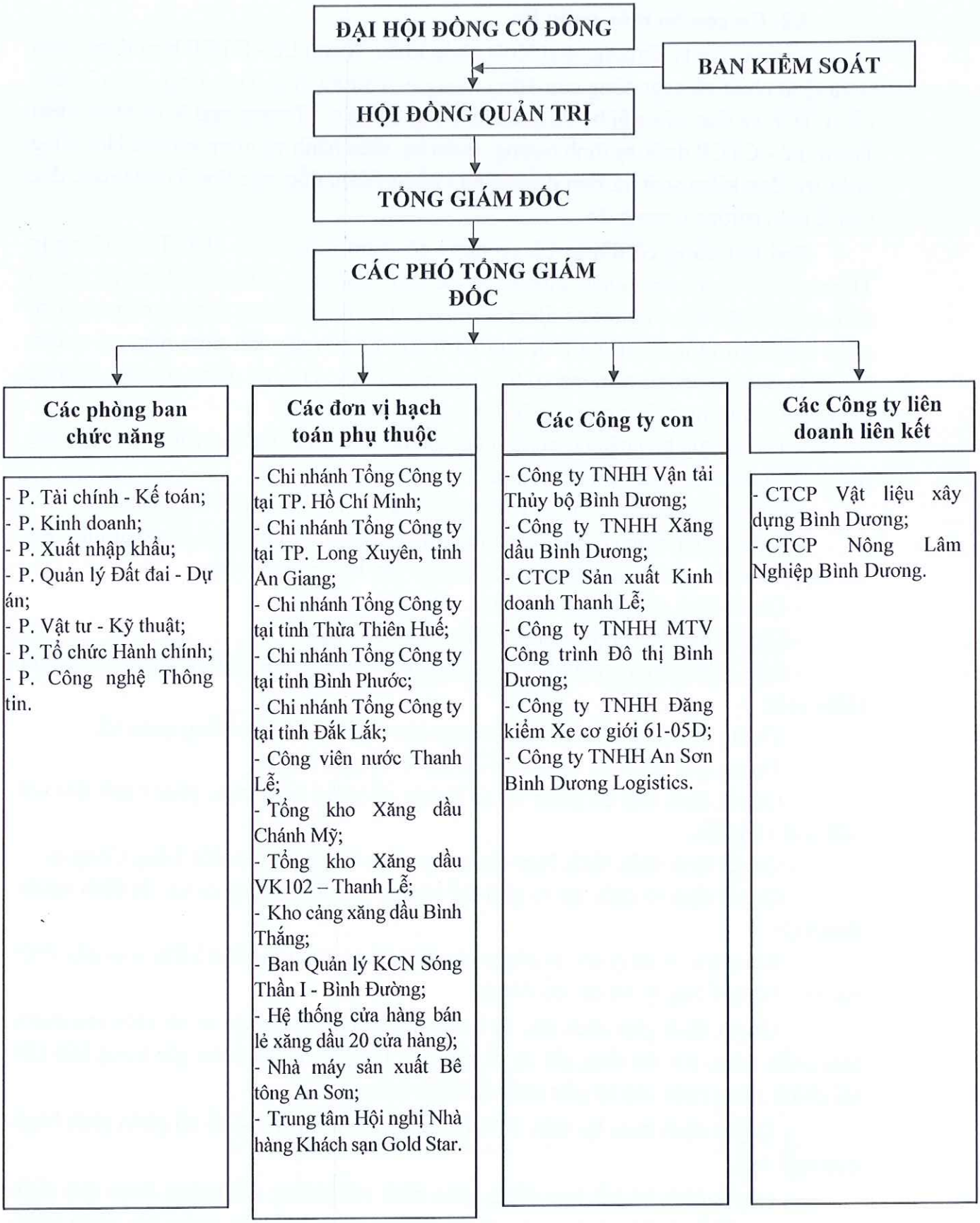
- Các ngành nghề khác: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị, …

- Địa bàn kinh doanh: Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Phước,…

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP thực hiện việc tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.


ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BAN KIỂM SOÁT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÁC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Các phòng ban chức năng
- P. Tài chính - Kế toán;
- P. Kinh doanh;
- P. Xuất nhập khẩu;
- P. Quản lý Đất đai - Dự án;
- P. Vật tư - Kỹ thuật;
- P. Tổ chức Hành chính;
- P. Công nghệ Thông tin.
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc
- Chi nhánh Tổng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Tổng Công ty tại TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Tổng Công ty tại tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi nhánh Tổng Công ty tại tỉnh Bình Phước;
- Chi nhánh Tổng Công ty tại tỉnh Đắk Lắk;
- Công viên nước Thanh Lễ;
- Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ;
- Tổng kho Xăng dầu VK102 – Thanh Lễ;
- Kho cảng xăng dầu Bình Thắng;
- Ban Quản lý KCN Sóng Thần I - Bình Đường;
- Hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu 20 cửa hàng);
- Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn;
- Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star.
Các Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương;
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương;
- CTCP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ;
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương;
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D;
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics.
Các Công ty liên doanh liên kết
- CTCP Vật liệu xây dựng Bình Dương;
- CTCP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP dưới sự định hướng, quản trị, điều hành và giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành (Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng), trong đó:

Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hoặc được người cổ đông uỷ quyền. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- Thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; báo cáo của Hội đồng quản trị và báo cáo của Ban Kiểm soát;
- Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty;
- Thông qua mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Thông qua tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị;
- Thông qua bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và các cổ đông;
- Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính riêng (nếu có) kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- Quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính riêng (nếu có) kỳ gần nhất;
- Quyết định các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn

hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất giữa Tổng Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

- Quyết định cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.

- Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật về Điều lệ Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty ngoại trừ thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty là 05 (năm) thành viên, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên không quá 05 (năm) năm, có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát: Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với vai trò thay mặt các cổ đông thực hiện giám sát, đánh giá Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc quản lý, điều hành Tổng Công ty Thanh Lễ theo quy định của Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty là 03 (ba) thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đề ra trong Điều lệ của Tổng Công ty và quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc: Là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Thanh Lễ, thực hiện điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty theo mục tiêu, kế hoạch, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các với nhiệm vụ được giao. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật có liên quan.

Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc: Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty. Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc bao gồm:

• Các Phó Tổng giám đốc: Năm 2023, Tổng Công ty Thanh Lễ có 02 Phó Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc. Các Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về việc thực hiện chức năng và quyền hạn của mình trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật.

• Kế toán trưởng: Trực tiếp tổ chức thực hiện công tác kế toán - tài chính của Tổng Công ty Thanh Lễ. Kế toán trưởng có nhiệm vụ đảm bảo mọi hoạt động tài chính, kế toán và việc sử dụng các nguồn lực tài chính của Tổng Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

• Các phòng chức năng: Tổng Công ty Thanh Lễ có 07 phòng ban chuyên môn được phân công nhiệm vụ theo từng lĩnh vực trong công tác tổ chức, quản lý điều hành bao gồm: Phòng Tài chính – Kế toán; Phòng Kinh doanh; Phòng Xuất nhập khẩu; Phòng Quản lý Đất đai – Dự án; Phòng Vật tư – Kỹ thuật; Phòng Tổ chức Hành chính và Phòng Công nghệ Thông tin.

3.3. Các Công ty con, các Công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ của công ty con, công ty liên kết (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty
Công ty con					
1	Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	Thủ Dầu Một, Bình Dương	Vận tải xăng dầu, kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng, kinh doanh xăng dầu.	66.088.039.787	57,97%
2	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Thủ Dầu Một, Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu.	30.000.000.000	80,00%
3	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Thủ Dầu Một, Bình Dương	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng.	13.500.000.000	56,84%
4	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Thủ Dầu Một, Bình Dương	Dịch vụ vệ sinh đô thị, trồng và chăm sóc cây xanh, duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị.	26.000.000.000	100%
5	Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Tân Uyên, Bình Dương	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác, bán buôn sản phẩm nhiên liệu.	15.000.000.000	100%

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ của công ty con, công ty liên kết (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty
6	Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Thuận An, Bình Dương	Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa.	463.879.487.000	60,00%
Công ty liên kết					
1	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Phú Giáo, Bình Dương	Cung cấp các loại giống cây trồng.	106.883.630.000	35,02%
2	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Dĩ An, Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất vật liệu xây dựng.	1.000.000.000.000	25%

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty:

Thực hiện nghiêm túc tổng nguồn xăng dầu tối thiểu năm 2024 đã được Bộ Công thương phân giao. Có kế hoạch, phương án kinh doanh, bán lẻ xăng dầu khoa học, hợp lý, đảm bảo chủ động nguồn hàng nhập khẩu và mua trong nước, tuyệt đối không để xảy ra thiếu hụt, đứt gãy nguồn cung trong hệ thống kinh doanh trong mọi tình huống biến động của thị trường.

Lấy kinh doanh xăng dầu là trục chính, đầu tư, phát triển các lĩnh vực có liên quan và phụ trợ cho kinh doanh xăng dầu như: Đầu tư cơ sở vật chất kinh doanh xăng dầu, dịch vụ vận tải sông, biển; kho, cảng xăng dầu,…Hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật tại các kho xăng dầu, hệ thống tuyến ống nhập xuất xăng dầu để ổn định sức chứa, đảm bảo công tác tạo nguồn và dự trữ hàng hóa theo quy định.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tiếp tục đầu tư phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu để tiếp tục củng cố vững chắc kênh bán lẻ trực tiếp. Bên cạnh đó, nghiên cứu đầu tư khai thác chuỗi giá trị tiện ích gia tăng của hệ thống bán lẻ.

Nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng trưởng doanh thu, giảm chi phí trên cơ sở đổi mới tổ chức, phương thức kinh doanh, nâng cao năng lực kỹ thuật công nghệ, nâng cao nguồn nhân lực, tổ chức hợp lý thị trường và quản lý tốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Triển khai thực hiện triệt để các biện pháp để tiết giảm chi phí trên toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty, nâng cao ý thức và tinh thần tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu, từ việc áp dụng công nghệ để quản lý hao hụt tối ưu, tiết giảm chi tiêu, rà soát đánh giá lại công tác quản lý tài sản, đất đai, tránh gây lãng phí, thất thoát.

- Các mục tiêu phát triển bền vững:

Lựa chọn các dự án đầu tư trọng điểm, có hiệu quả, tập trung khai thác tối đa cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có. Bám sát xu thế phát triển của công nghệ thông tin, tự động hóa áp dụng trong sản xuất kinh doanh thông qua việc đẩy mạnh công tác

nghiên cứu, đầu tư và vận dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất kinh doanh để gia tăng năng suất, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và mang lại hiệu quả kinh tế cho Tổng Công ty.

Không ngừng nâng cao chính sách phúc lợi, quan tâm thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, triển khai nhiều biện pháp đảm bảo an toàn lao động phù hợp với điều kiện làm việc tạo niềm tin và sự gắn kết lâu dài giữa người lao động và Tổng Công ty.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế:

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức với tình hình diễn biến phức tạp của một số yếu tố như: Cạnh tranh chiến lược giữa các nước ngày càng gay gắt; Xung đột Nga – Ucraina, giao tranh ở khu vực Trung Đông và tranh chấp trên Biển Đỏ có thể còn kéo dài, tiềm ẩn nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng, gây gián đoạn thương mại quốc tế và dòng chảy năng lượng toàn cầu; Lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; Hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu của các quốc gia; Nhiều quốc gia trong đó các đối tác thương mại lớn của Việt Nam tăng trưởng chậm lại, nợ công tăng cao, tổng cầu thế giới suy giảm, tác động trực tiếp đến các quốc gia có độ mở kinh tế lớn, trong đó có Việt Nam.

Rủi ro lãi suất: Các tổ chức tín dụng đã thực hiện chính sách tín dụng an toàn, lành mạnh, duy trì ổn định mặt bằng lãi suất huy động và giảm lãi suất cho vay, tuy nhiên các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu vẫn gặp nhiều khó khăn khi không tiếp cận được nguồn vốn tín dụng, ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

5.2. Rủi ro về đặc thù ngành:

- Rủi ro biến động về giá xăng dầu: Giá dầu thô và xăng dầu thế giới biến động liên tục, khó lường và phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình địa chính trị, chính sách tiền tệ cũng như các yếu tố tài chính, tâm lý thị trường khác. Hiện nguồn cung xăng dầu nội địa vẫn chưa đủ đáp ứng đủ nhu cầu trong nước do đó các thương nhân đầu mối vẫn phải nhập khẩu từ nước ngoài nên những biến động của thị trường quốc tế cũng tác động trực tiếp đến giá cả các mặt hàng xăng dầu trong nước.

- Rủi ro về cơ chế điều hành của Nhà nước: Điều hành kinh doanh xăng dầu của Chính phủ trong những năm gần đây đã thể hiện sự minh bạch và tiếp cận thị trường, tuy nhiên vẫn còn những bất cập cho doanh nghiệp như công thức và cơ chế tính giá, thương nhân kinh doanh xăng dầu không chủ động trong quyết định giá bán lẻ xăng dầu; giá cơ sở các mặt hàng xăng dầu căn cứ vào các yếu tố hình thành trong quá khứ với thời gian tương đối dài dẫn tới chưa sát với thực tế.

- Rủi ro cháy nổ, ô nhiễm môi trường: Kinh doanh xăng dầu là ngành nghề có rủi ro cao về cháy, nổ, ô nhiễm môi trường,...Khi có sự cố xảy ra sẽ để lại hệ quả nặng nề đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, để hạn chế và kiểm soát những rủi ro đặc thù này, Tổng Công ty luôn tuân thủ quy định về PCCC, trang bị

đầy đủ thiết bị phòng cháy, chữa cháy tại các kho xăng dầu, cửa hàng bán lẻ xăng dầu và địa điểm hoạt động khác theo đúng quy định; tổ chức các khóa học về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường cho nhân viên trực tiếp kinh doanh; tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ ứng phó khi sự cố xảy ra; thuê đơn vị chuyên ngành triển khai các giải pháp phòng, chống và ứng phó sự cố tràn dầu; tham gia đầy đủ bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy nổ.

5.3. Rủi ro khác:

Bên cạnh những rủi ro trên, vẫn còn tồn tại một số rủi ro mang yếu tố khách quan như: ảnh hưởng của thời tiết, thiên tai, động đất, hoả hoạn, dịch bệnh hiểm nghèo có quy mô lớn,...Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xuất hiện sẽ để lại hậu quả vô cùng nghiêm trọng và có sức ảnh hưởng lớn đối với xã hội nói chung và Tổng Công ty nói riêng.

Để phòng ngừa và hạn chế tất cả rủi ro trên, Tổng Công ty tập trung thực hiện các giải pháp bảo đảm chủ động nguồn hàng, thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; Chú trọng công tác quản trị doanh nghiệp, ban hành những giải pháp đúng đắn, quyết định kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kết quả kinh doanh công ty mẹ	Kết quả kinh doanh hợp nhất
1	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	19.551.652.445.093	19.933.917.252.059
2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	119.727.320.584	96.315.958.430
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	127.510.371.209	162.322.558.437
4	Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	31.784.225.533	41.348.390.467
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	95.726.145.676	120.974.167.970

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán)

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ đạt được
Tổng doanh thu	22.617.704.000.000	20.030.233.210.489	88,56%
Lợi nhuận trước thuế	266.420.000.000	162.322.558.437	60,93%
Lợi nhuận sau thuế	219.136.000.000	120.974.167.970	55,21%

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 và BCTC hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán)

- Năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh không đạt so với Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông do ảnh hưởng những khó khăn của nền kinh tế trong nước cùng với biến động về giá cả xăng dầu; Trong năm 2023, bình quân giá xăng dầu trong nước giảm 11,02% so với năm trước. Các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu vẫn khó tiếp cận được nguồn vốn tín dụng. Nhiều khoản chi phí tăng cao như tỷ giá ngoại tệ, tiền thuê đất; điện, nước, chi phí đầu tư bảng hiệu; chi phí đầu tư nâng cấp hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu để phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Tổng Công ty đã chủ động bám sát diễn biến thị trường, tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh trên cơ sở điều hành tốt nguồn cung và dự trữ, duy trì ổn định mạng lưới phân phối, tuy chưa hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhưng các chỉ tiêu lợi nhuận đều đạt vượt mức trên 100% so với thực hiện năm 2022.

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	% tăng/(giảm)
Tổng doanh thu	25.577.123.333.942	20.030.233.210.489	(21,69%)
Lợi nhuận trước thuế	78.996.066.036	162.322.558.437	105,48%
Lợi nhuận sau thuế	43.153.095.711	120.974.167.970	180,34%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 và năm 2023)

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban Điều hành:

• Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Họ và tên: Đoàn Minh Quang
- Giới tính: Nam
- Sinh năm: 1957
  Số CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
  Địa chỉ thường trú:

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Hành chính.
- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Đá Núi Nhỏ.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 2.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0009% vốn điều lệ, trong đó:

➢ Số lượng cổ phần sở hữu: 2.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0009% vốn điều lệ.

➢ Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Số cổ phần của người có liên quan: 11.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0047% vốn điều lệ.
- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

• **Tổng Giám đốc:**

- Họ và tên: Phạm Thị Băng Trang
- Giới tính: Nữ
- Sinh năm: 1965
  Số CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
  Địa chỉ thường trú:

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán.
- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc.
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương, Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Gạch ngói cao cấp.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 3.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0014% vốn điều lệ, trong đó:
  - Số lượng cổ phần sở hữu: 3.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0014% vốn điều lệ.
  - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

• **Phó Tổng Giám đốc:**

- Họ và tên: Phạm Thị Kim Thành
- Giới tính: Nữ
- Sinh năm: 1974
  Số CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
  Địa chỉ thường trú:

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.
- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 85.183.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 36,003% vốn điều lệ, trong đó:
  - Số lượng cổ phần sở hữu: 7.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ.
  - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 85.176.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 36% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

• **Phó Tổng Giám đốc:**

- Họ và tên: Đặng Văn Đoàn
- Giới tính: Nam
- Sinh năm: 1960
  Số CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
  Địa chỉ thường trú:

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.
- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 3.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0015% vốn điều lệ, trong đó:
  - Số lượng cổ phần sở hữu: 3.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0015% vốn điều lệ.
  - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của người có liên quan: 14.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0062% vốn điều lệ.
- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

• **Kế toán trưởng:**

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao
- Giới tính: Nữ
- Sinh năm: 1984
  Số CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
  Địa chỉ thường trú:

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.
- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 5.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0025% vốn điều lệ, trong đó:
  - Số lượng cổ phần sở hữu: 5.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0025% vốn điều lệ.
  - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tính đến ngày 17/04/2024, tổng số cán bộ, nhân viên: 470 người; trong đó nữ: 118 người, nam: 352 người.

- Trình độ đại học và trên đại học: 146 người;
- Trình độ cao đẳng: 14 người;
- Trình độ trung cấp, lao động phổ thông: 310 người.

Xây dựng nguồn nhân lực vững mạnh, giàu nhiệt huyết, gắn bó lâu dài với quan điểm người lao động là yếu tố quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển, Tổng Công ty không ngừng nâng cao chính sách phúc lợi, quan tâm thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, triển khai nhiều biện pháp đảm bảo an toàn lao động phù hợp với điều kiện làm việc tạo niềm tin và sự gắn kết lâu dài giữa người lao động và Tổng Công ty.

Việc xây dựng, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao luôn được Tổng Công ty quan tâm. Các hoạt động đào tạo luôn được tổ chức và khuyến khích tham gia, tạo điều kiện để cập nhật và nâng cao trình độ cho đội ngũ quản lý và người lao động, góp phần cải thiện kết quả hoạt động dựa trên nền tảng phát triển công nghệ, tối ưu hóa quá trình làm việc..

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện của các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo đẩy nhanh việc triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm 2022, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả đồng thời triển khai công tác đầu tư một số công trình, dự án khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty:

- Chỉ đạo tập trung đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu cốt lõi bằng việc mở rộng phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu, đặc biệt trên các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, đô thị lớn. Năm 2023, Tổng Công ty Thanh Lễ hoàn thành đầu tư và đưa vào hoạt động một số cửa hàng bán lẻ xăng dầu mới đồng thời thực hiện việc sửa chữa, cải tạo, đấu nối giao thông tại một số cửa hàng bán lẻ xăng dầu hiện hữu để phù hợp với quy định của pháp luật.

- Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa hệ thống kho, cảng xăng dầu nhằm tiết giảm chi phí vận hành, tăng cường hiệu quả sử dụng kho cảng. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện định kỳ đánh giá an ninh cảng biển. Hợp đồng với đơn vị chức năng thực hiện đánh giá giám sát phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Tất cả các kho xăng dầu đều được tổ chức diễn tập phương án phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố môi trường với sự tham gia của lực lượng chức năng nhằm nâng cao tính sẵn sàng ứng cứu của lực lượng tại chỗ và ý thức an toàn của người lao động.

- Đưa vào khai thác Trung tâm Dịch vụ Văn hóa Thể thao Thanh Lễ, công trình là kiến trúc đẹp, hiện đại, công năng toàn diện tạo diện mạo mới trong cảnh quan kiến trúc đô thị của thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, đồng thời đáp ứng các yêu cầu phục vụ các sự kiện chính trị, văn hóa, nghệ thuật, hội nghị, hội thảo của địa phương.

- Tiếp tục đầu tư Dự án Cảng cạn An Sơn phù hợp với định hướng phát triển là cảng chủ lực, cửa khẩu quan trọng trong việc xuất khẩu hàng hóa cho doanh nghiệp trong và ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Đồng thời, thường xuyên chỉ đạo giám sát chặt chẽ các công trình đã hoàn thành, duy tu, bảo dưỡng định kỳ nhằm khai thác tối đa công suất và mang lại hiệu quả cho hoạt động kinh doanh.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP có 06 công ty con, tổng số vốn đầu tư vào các công ty con là 414.557.655.581 đồng; 02 công ty liên kết, tổng số vốn đầu tư vào công ty liên kết là 294.395.744.491 đồng. Các công ty này đang hoạt động bình thường và có hiệu quả.

❖ Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ:

- Địa chỉ: Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Vốn điều lệ: 13.500.000.000 đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700785510
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 8.188.380.782 đồng, chiếm 56,84% vốn điều lệ.

❖ Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương:

- Địa chỉ: Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Vốn điều lệ: 66.088.039.787 đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700817346
- Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải xăng dầu, kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 45.302.676.635 đồng, chiếm 57,97% vốn điều lệ.

❖ Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương:

- Địa chỉ: Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700828316
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh xăng dầu.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 24.000.000.000 đồng, chiếm 80,00% vốn điều lệ.

❖ Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương:

- Địa chỉ: Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Vốn điều lệ: 26.000.000.000 đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700144108
- Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 43.738.905.964 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ.

❖ Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D:

- Địa chỉ: Tp. Tân Uyên, Bình Dương.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702525028
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn sản phẩm nhiên liệu.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 15.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ.

❖ Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistis:
- Địa chỉ: Tp. Thuận An, Bình Dương.
- Vốn điều lệ: 463.879.487.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702395178
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 278.327.692.200 đồng, chiếm 60,00% vốn điều lệ.

❖ Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương:
- Địa chỉ: huyện. Phú Giáo, Bình Dương.
- Vốn điều lệ: 106.883.630.000 đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3701815415
- Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp các loại giống cây trồng.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 37.937.734.355 đồng, chiếm 35,02% vốn điều lệ.

❖ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương:
- Địa điểm: Tp. Dĩ An, Bình Dương.
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700148529
- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 256.458.010.136 đồng, chiếm 25% vốn điều lệ.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	% tăng/(giảm)
Kết quả kinh doanh theo BCTC hợp nhất			
Tổng giá trị tài sản	9.171.267.192.266	8.066.131.986.213	13,70%
Doanh thu thuần	19.933.917.252.059	25.508.217.273.383	(21,85 %)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	157.470.643.187	74.349.193.321	111,80 %
Lợi nhuận khác	4.851.915.250	4.646.872.715	4,41%
Lợi nhuận trước thuế	162.322.558.437	78.996.066.036	105,48%
Lợi nhuận sau thuế	120.974.167.970	43.153.095.711	180,34 %
Kết quả kinh doanh theo BCTC công ty mẹ			
Tổng giá trị tài sản	8.573.647.128.394	7.567.518.194.743	13,30 %

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	% tăng/(giảm)
Doanh thu thuần	19.551.652.445.093	25.236.655.055.900	(22,53%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	123.440.746.610	28.631.697.913	331,13%
Lợi nhuận khác	4.069.624.599	3.473.162.978	17,17%
Lợi nhuận trước thuế	127.510.371.209	32.104.860.891	297,17%
Lợi nhuận sau thuế	95.726.145.676	5.066.989.439	1.789,21%

(Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2022, năm 2023 đã kiểm toán)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2022
I. Dựa trên BCTC hợp nhất:			
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,96	1,04
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,49	0,65
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,70	0,67
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,36	2,08
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,95	11,70
Vòng quay tổng tài sản	Lần	2,31	3,19
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,61%	0,17%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,44%	1,65%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,32%	0,53%
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,79%	0,29%
II. Dựa trên BCTC công ty mẹ:			
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,02	1,08
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,52	0,70
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,71	0,68
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,46	2,17
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,00	11,91
Vòng quay tổng tài sản	Lần	2,42	3,35
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2022
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,49%	0,02%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	3,86%	0,21%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,12%	0,07%
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,63%	0,11%

(Nguồn: Tính toán theo BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2022, năm 2023 đã kiểm toán)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 236.600.000 cổ phần, tương đương tổng mệnh giá 2.366.000.000.000 đồng.
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 236.051.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 528.900 cổ phần.
- Cổ phiếu quỹ: 20.100 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tính đến thời điểm 26/03/2024, Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP có 02 cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty trở lên với danh sách cụ thể như sau:

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	% vốn điều lệ
1	UBND Tỉnh Bình Dương	Bình Dương	85.176.000	36,00%
2	Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Thiết bị Hướng Dương	TP.HCM	37.856.000	16,00%
Tổng cộng			**123.032.000**	**52,00%**

(Nguồn: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam)

Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty tại thời điểm 26/03/2024:

STT	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	% vốn điều lệ
1	**Cổ đông trong nước:**	**546**	**236.579.900**	**99,99%**
	- Tổ chức	04	126.551.300	53,49%
	- Cá nhân	542	110.028.600	46,50%
2	**Cổ đông nước ngoài:**	**0**	**0**	**0,00%**
3	**Cổ phiếu quỹ:**	**-**	**20.100**	**0,01%**
	Tổng cộng:	**546**	**236.600.000**	**100%**

(Nguồn: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 20.100 cổ phần.
- Trong năm 2023, không thực hiện các giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Xăng dầu là hàng hóa đặc biệt, mang tính chiến lược, gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng. Tổng Công ty Thanh Lễ luôn đề ra kế hoạch thực hiện nghiêm túc tổng nguồn xăng dầu tối thiểu đã được Bộ Công thương phân giao, chủ động nguồn hàng nhập khẩu và mua trong nước, tuyệt đối không để xảy ra thiếu hụt, đứt gãy nguồn cung trong hệ thống kinh doanh trong mọi tình huống biến động của thị trường

6.2. Tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước:

Các cửa hàng xăng dầu, kho xăng dầu và các cơ sở vật chất khác của Tổng Công ty Thanh Lễ lắp đặt hệ thống chiếu sáng đảm bảo điều kiện an toàn, hiệu quả năng lượng, thẩm mỹ, các bóng đèn huỳnh quang được thay thế bằng đèn led tiết kiệm điện năng.

Các ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty không sử dụng nước làm nguyên liệu đầu vào. Lượng nước sạch chủ yếu khai thác từ nước máy, nước giếng khoan phục vụ cho nhu cầu làm việc và sinh hoạt của người lao động. Một lượng nhỏ nước được sử dụng để làm nước dự trữ cứu hỏa và nước vệ sinh công nghiệp.

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Ngoài đảm bảo thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty luôn quan tâm tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp, phương thức quản lý công tác bảo vệ môi trường từ Tổng Công ty đến các đơn vị trực thuộc. Công tác tuyên truyền, đào tạo nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, chủ động phòng ngừa sự cố môi trường, xây dựng kế hoạch, tổ chức diễn tập, huấn luyện nâng cao nghiệp vụ bảo vệ môi trường luôn được triển khai đồng bộ, có hiệu quả. Người lao động làm việc trực tiếp tại các cửa hàng xăng dầu, kho cảng xăng dầu đều được đào tạo và cấp giấy chứng nhận về bảo vệ môi trường.

Hằng năm, Tổng Công ty phối hợp với các đơn vị chức năng tiến hành quan trắc môi trường tại các kho, cảng xăng dầu, tuyến ống xăng dầu, hệ thống xử lý nước thải tại khu công nghiệp. Qua báo cáo kết quả phân tích, các thông số môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép của các quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành.

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động: 470 lao động.

- Thời gian làm việc: 44 giờ/tuần.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi người lao động:

- Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động toàn công ty. Đảm bảo việc ký kết hợp đồng lao động theo quy định.

- Tuyển dụng lao động theo quy định về tuyển dụng của Tổng Công ty, bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực người lao động.

- Trước khi ký kết thỏa ước lao động tập thể đều được lấy ý kiến của toàn thể người lao động.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động. Nâng cao tư duy ứng dụng dữ liệu trong chuyển đổi đổi số để khai thác hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật công nghệ. Duy trì chính sách lương, thưởng hợp lý để tạo động lực thúc đẩy năng suất lao động và đảm bảo đời sống người lao động.

- Thực hiện nhiều biện pháp nhằm bảo hộ lao động, ngăn ngừa tai nạn lao động đối với từng điều kiện làm việc. Cam kết thực hiện đúng tiêu chuẩn an toàn lao động và luôn sẵn sàng ứng phó, giải quyết các tình huống rủi ro có thể xảy ra.

- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước.

6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Tổng Công ty Thanh Lễ luôn chú trọng đến việc thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng và xã hội. Trong mỗi hoạt động an sinh xã hội, Tổng Công ty luôn phối hợp với các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương triển khai thực hiện hiệu quả, thiết thực, đúng chế độ quản lý tài chính. Các công tác được Tổng Công ty thực hiện trong năm qua là chăm lo phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng tại địa phương, thực hiện hỗ trợ các gia đình chính sách, ủng hộ Quỹ bảo trợ trẻ em và một số hoạt động xã hội khác.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kết quả kinh doanh công ty mẹ	Kết quả kinh doanh hợp nhất
1	Doanh thu thuần	19.551.652.445.093	19.933.917.252.059
2	Doanh thu hoạt động tài chính	109.518.052.549	82.623.584.900
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	127.510.371.209	162.322.558.437
4	Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	31.784.225.533	41.348.390.467
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	95.726.145.676	120.974.167.970

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán)

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, linh hoạt, kịp thời để thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đồng thời thực hiện các hoạt động phát triển thị trường, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Mặc dù tình hình kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn, Tổng Công ty vẫn đảm bảo việc thực hiện chế độ chính sách, lao động, ổn định thu nhập cho người lao động.

2. Tình hình tài chính:

2.1.Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	Tỷ lệ % tăng/(giảm)
I. Theo BCTC hợp nhất:				
1	**Tài sản ngắn hạn**	**5.887.936**	**5.278.616**	**11,54%**
2	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.446.850	1.159.130	24,82%
3	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	70.136	8.198	755,53%
4	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.428.862	2.130.228	(32,92%)
5	Hàng tồn kho	2.877.977	1.944.111	48,04%
6	Tài sản ngắn hạn khác	64.110	36.950	73,51%
7	**Tài sản dài hạn**	**3.283.331**	**2.787.516**	**17,79%**
8	Các khoản phải thu dài hạn	39.176	40.176	(2,49%)
9	Tài sản cố định	1.524.290	1.583.523	(3,74%)
10	Bất động sản đầu tư	177.862	177.804	0,03%
11	Tài sản dở dang dài hạn	867.208	625.294	38,69%
12	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	343.496	333.480	3,00%
13	Tài sản dài hạn khác	331.299	27.238	1.116,32%
	Tổng cộng tài sản	**9.171.267**	**8.066.132**	**13,70%**
II. Theo BCTC công ty mẹ:				
1	**Tài sản ngắn hạn**	**5.862.035**	**5.242.663**	**11,81%**
2	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.390.996	1.091.924	27,39%
3	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	55.750	3.000	1.758,33%
4	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.516.228	2.292.354	(33,86%)
5	Hàng tồn kho	2.866.087	1.849.871	54,93%
6	Tài sản ngắn hạn khác	32.974	5.515	497,87
7	**Tài sản dài hạn**	**2.711.612**	**2.324.855**	**16,64%**
8	Các khoản phải thu dài hạn	39.169	40.172	(2,50%)
9	Tài sản cố định	949.583	1.006.106	(5,62%)
10	Bất động sản đầu tư	176.088	175.628	0,26%
11	Tài sản dở dang dài hạn	521.014	380.106	37,07%

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	Tỷ lệ % tăng/(giảm)
12	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	708.953	708.953	0,00%
13	Tài sản dài hạn khác	316.806	13.890	2.180,87%
	Tổng cộng tài sản	**8.573.647**	**7.567.518**	**13,30%**

(Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2022, năm 2023 đã kiểm toán)

2.2.Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	Tỷ lệ % tăng/(giảm)
I. Theo BCTC hợp nhất:			
Nợ phải trả	**6.444.760**	**5.443.784**	**18,39%**
Nợ ngắn hạn	6.119.407	5.091.640	20,19%
Nợ dài hạn	325.353	352.143	(7,61%)
Vốn chủ sở hữu	**2.726.506**	**2.622.348**	**3,97%**
Tổng cộng nguồn vốn	**9.171.267**	**8.066.132**	**13,70%**
II. Theo BCTC công ty mẹ:			
Nợ phải trả	**6.092.453**	**5.181.290**	**17,59%**
Nợ ngắn hạn	5.771.394	4.832.514	19,43%
Nợ dài hạn	321.058	348.775	(7,95%)
Vốn chủ sở hữu	**2.481.194**	**2.386.228**	**3,98%**
Tổng cộng nguồn vốn	**8.573.647**	**7.567.518**	**13,30%**

(Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2022, năm 2023 đã kiểm toán)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Về hoạt động kinh doanh xăng dầu: Do ảnh hưởng của biến động giá xăng dầu cùng với những khó khăn của nền kinh tế trong nước nên tổng doanh thu năm 2023 giảm so với năm 2022. Trước tình hình đó, Ban Tổng Giám đốc đã tích cực chủ động bám sát diễn biến thị trường xăng dầu, tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh trên cơ sở điều hành tốt nguồn cung và dự trữ, duy trì ổn định mạng lưới phân phối, bù đắp một phần khó khăn trong kinh doanh xăng dầu.

- Về hoạt động tài chính: Năm 2023, tình hình tài chính của Tổng Công ty Thanh Lễ lành mạnh, vốn đầu tư cho các dự án được đáp ứng đầy đủ theo đúng tiến độ, việc trích lập các quỹ được thực hiện theo đúng quy định. Hệ số khả năng thanh toán luôn duy trì ở mức tốt, đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản nợ khi đến hạn. Các chỉ tiêu tài chính thể hiện khả năng thanh toán luôn ở mức an toàn. Tổng Công ty luôn duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức đủ để hỗ trợ tài chính cho các mặt hoạt động kinh doanh. Công tác kế toán được tổ chức phù hợp theo đúng với các chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật. Công tác quyết toán tài chính luôn được quan tâm, đảm bảo chính xác, kịp tiến độ. Tổ chức thực hiện kiểm toán cuối năm đúng quy định, kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực

trong việc lập báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

- Về hoạt động đầu tư: Trong năm 2023, Tổng Công ty Thanh Lễ tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành và tổng hợp thông tin, phân tích số liệu phục vụ công tác quản trị, số hóa hệ thống quản lý đơn hàng để kiểm soát và theo dõi dữ liệu. Đồng thời, thực hiện đầu tư hiệu quả cơ sở vật chất, đưa vào hoạt động các cửa hàng bán lẻ xăng dầu mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các cửa hàng bán lẻ xăng dầu hiện hữu theo tiêu chuẩn mới, hiện đại, đáp ứng tiện ích, nâng cao trải nghiệm của khách hàng. Cùng với đó, đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu bằng việc đầu tư, hỗ trợ các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trong hệ thống, chỉnh trang cửa hàng theo tiêu chuẩn nhận diện thương hiệu.

- Quản lý nhân sự: Chú trọng công tác nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên, thực hiện luân chuyển, điều động, bổ nhiệm các chức danh quản lý phù hợp với tình hình của Tổng Công ty. Công tác tổ chức nhân sự, chính sách lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng đảm bảo ổn định thu nhập, tạo động lực cho người lao động tiếp tục phấn đấu.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Bước sang năm 2024, kinh tế - xã hội phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế thế giới đang gia tăng khả năng suy thoái, bất ổn, biến động nhanh và khó lường về chính trị, quân sự. Giá xăng dầu năm 2024 sẽ biến động khó đoán theo cả hai chiều. Công tác dự báo và đảm bảo nguồn cung vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì ổn định thị thường. Tổng Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững, bảo toàn nguồn vốn, hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước, chăm lo đời sống người lao động và đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Tập trung rà soát đánh giá lại công tác quản lý tài sản, đất đai, môi trường, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, cơ sở hạ tầng và đưa vào khai thác các dự án đầu tư trọng điểm phù hợp với chủ trương và phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng Công ty:

Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty:

Trước những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới nói chung, kinh tế Việt Nam nói riêng, cũng như khó khăn, áp lực của thị trường xăng dầu trong năm 2023, Tổng Công ty đã đảm bảo nguồn cung xăng dầu, thực hiện dữ trữ hàng hóa theo quy định, đáp ứng nhu cầu trong hệ thống phân phối cũng như nhu cầu thiết yếu của người dân và hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Đồng thời bảo toàn và phát triển nguồn vốn, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, người lao động, và hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước.

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ đạt được
Tổng doanh thu	22.617.704.000.000	20.030.233.210.489	88,56%
Lợi nhuận trước thuế	266.420.000.000	162.322.558.437	60,93%
Lợi nhuận sau thuế	219.136.000.000	120.974.167.970	55,21%

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 và BCTC hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán)

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Tổng Công ty. Tổng Giám đốc phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, chỉ đạo, định hướng các vấn đề quan trọng của Tổng Công ty và điều phối có hiệu quả hoạt động của Ban điều hành. Các Phó Tổng Giám đốc đã hoàn thành các nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công.

Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời triển khai nhiều giải pháp từ khâu tạo nguồn cho đến chính sách bán hàng, tài chính, kế toán, bám sát với chủ trương, định hướng của Hội đồng quản trị và diễn biến thị trường, luôn đảm bảo đủ nguồn cung ứng xăng dầu cho hệ thống phân phối và thị trường.

Ban Tổng Giám đốc cũng chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực quản trị, quảng bá thương hiệu. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số được chú trọng triển khai, giúp nâng cao vị thế và giá trị thương hiệu, tạo nền tảng vững chắc cho các mục tiêu phát triển dài hạn.

Công tác tổ chức nhân sự, chính sách lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng cũng được Ban Tổng Giám đốc quan tâm thực hiện, đảm bảo ổn định thu nhập, tạo động lực cho người lao động phấn đấu.

Nhìn chung năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Tiếp tục đưa Tổng Công ty Thanh Lễ khẳng định thương hiệu trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu thông qua việc đảm bảo nguồn cung, phục vụ nhu cầu của nền kinh tế và người dân, đặc biệt trong những thời điểm khó khăn của thị trường. Hoàn thành một cách tốt nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm. Cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống người lao động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

3.1. Các chỉ tiêu hoạt động năm 2024:

Căn cứ thực tế phát sinh năm 2023 và diễn biến tình hình kinh tế xã hội Quý 01 năm 2024, Tổng Công ty đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

- Tổng doanh thu năm 2024 : 23.239.952 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 175.940 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế : 146.750 triệu đồng

3.2. Một số nhiệm vụ trọng điểm của Hội đồng quản trị:

Theo dõi chặt chẽ việc thực hiện tổng nguồn xăng dầu tối thiểu năm 2024 đã được Bộ Công thương phân giao. Đầu tư, phát triển các lĩnh vực có liên quan và phụ trợ cho kinh doanh xăng dầu như: Đầu tư cơ sở vật chất kinh doanh xăng dầu, dịch vụ vận tải sông, biển; kho, cảng xăng dầu,...Hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật tại các kho xăng dầu, hệ thống tuyến ống nhập xuất xăng dầu để ổn định sức chứa, đảm bảo công tác tạo nguồn và dự trữ hàng hóa theo quy định.

Tiếp tục mở rộng thị trường, bắt đầu bằng việc thành lập Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hải Phòng, đầu tư phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu để tiếp tục củng cố vững chắc kênh bán lẻ trực tiếp.

Chủ động thực hiện các biện pháp để tiết giảm chi phí trên toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty, nâng cao ý thức và tinh thần tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu, từ việc áp dụng công nghệ để quản lý hao hụt tối ưu, tiết giảm chi tiêu, rà soát đánh giá lại công tác quản lý tài sản, đất đai, tránh gây lãng phí, thất thoát.

Tập trung hoàn thiện hồ sơ pháp lý, cơ sở hạ tầng và đưa vào khai thác các dự án đầu tư trọng điểm, có hiệu quả.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CCCD/Giấy CNĐKDN	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Đoàn Minh Quang	Chủ tịch HĐQT		Bình Dương	2.100	0,0009%	
	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương		3701815415	Bình Dương	0	0	Ông Đoàn Minh Quang là Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương		3700148529	Bình Dương	0	0	Ông Đoàn Minh Quang là Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP		3700762471	Bình	0	0	Ông

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CCCD/Giấy CNĐKDN	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
	Đá Núi Nhỏ			Dương			Đoàn Minh Quang là Chủ tịch HĐQT
2	Phạm Thị Băng Trang	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc		Bình Dương	3.200	0,0014%	
	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương		3701815415	Bình Dương	0	0	Bà Phạm Thị Băng Trang là Trưởng ban kiểm soát
	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương		3700148529	Bình Dương	0	0	Bà Phạm Thị Băng Trang là Trưởng ban kiểm soát
	Công ty CP Gạch ngói cao cấp			Bình Dương	0	0	Bà Phạm Thị Băng Trang là Thành viên HĐQT

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CCCD/Giấy CNĐKDN	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
3	Phạm Thị Kim Thành	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc		Bình Dương	7.100	0,0030%	
	Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương				85.176.000	36,00%	Bà Phạm Thị Kim Thành là người đại diện vốn
4	Lê Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT không điều hành		Hà Nội	11.724.000	4,96%	
	Cty CP XD và DV Hàng hải S.T.S		0303235586	TP. Hồ Chí Minh	0	0	Ông Lê Trọng Hiếu là Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành		TP. Hồ Chí Minh	0	0	

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Công tác tổ chức: Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, quyết định theo đa số. Các thành viên Hội đồng quản trị được phân công nhiệm vụ trên nguyên tắc phát huy thế mạnh, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm công tác của từng thành

viên. Luôn định kỳ tổ chức đánh giá chương trình công tác và rà soát việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của tưng thành viên HĐQT để tạo nên sức mạnh tập thể hoàn thành trách nhiệm của HĐQT một cách hiệu quả nhất.

Hội đồng quản trị luôn đề cao tinh thần làm việc trách nhiệm, dân chủ, xử lý nhanh chóng, kịp thời các vấn đề, đề xuất kiến nghị của Ban Tổng Giám đốc; ban hành các nghị quyết, quyết định phù hợp với thẩm quyền. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tuân thủ nguyên tắc đa số, dựa trên kết quả biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp..

- Công tác điều hành: Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã tổ chức 14 cuộc họp và ban hành 16 Nghị quyết về các vấn đề:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	03/01/2023	Nghị quyết về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.	100%
2	02/NQ-HĐQT	03/01/2023	Nghị quyết về việc bổ nhiệm chức danh quản lý.	100%
3	03/NQ-HĐQT	07/03/2023	Nghị quyết về việc thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	100%
4	04/NQ-HĐQT	07/03/2023	Nghị quyết về việc thông qua các hợp đồng và giao dịch nội bộ.	100%
5	05/NQ-HĐQT	03/04/2023	Nghị quyết về việc thông qua giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi Nhánh Bình Dương.	100%
6	06/NQ-HĐQT	16/05/2023	Nghị quyết về việc thông qua giao dịch với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.	100%
7	07/NQ-HĐQT	30/05/2023	Nghị quyết về việc thông qua giao dịch với Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank.	100%
8	08/NQ-HĐQT	28/06/2023	Nghị quyết về việc lựa chọn doanh nghiệp soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.	100%
9	09/NQ-HĐQT	01/08/2023	Nghị quyết về việc thông qua giao dịch với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.	100%
10	10/NQ-HĐQT	08/08/2023	Nghị quyết về việc thông qua giao dịch với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn.	100%
11	11/NQ-HĐQT	16/08/2023	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty.	100%
12	13/NQ-HĐQT	07/09/2023	Nghị quyết về việc thông qua giao	100%

			dịch với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.	
13	14/NQ-HĐQT	11/09/2023	Nghị quyết về việc thông qua giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.	100%
14	15/NQ-HĐQT	05/10/2023	Nghị quyết về việc thông qua dự án đầu tư, cải tạo hệ thống xử lý nước thải Khu công nghiệp Sóng Thần 1.	100%
15	16/NQ-HĐQT	20/10/2023	Nghị quyết về việc thông qua giao dịch với Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited.	100%
16	17/NQ-HĐQT	27/11/2023	Nghị quyết về việc thông qua giao dịch với Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN TP.HCM.	100%

2. Ban Kiểm Soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CCCD	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Khánh Hà	Trưởng Ban Kiểm soát		Bình Dương	2.000	0,0008%	
2	Bà Bùi Thị Kim Khoa	Thành viên Ban Kiểm soát		Bình Dương	0	0	
3	Ông Lê Tuấn Vũ	Thành viên Ban Kiểm soát		Hà Nội	0	0	

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát của Tổng Công ty bao gồm: 01 trưởng ban và 02 thành viên, thực hiện các quyền hạn, chức năng của Ban kiểm soát theo luật định và Điều lệ, tổ chức của Tổng Công ty. Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Xây dựng, hoàn thiện các báo cáo thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, phối hợp cùng Hội đồng quản trị rà soát các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo quy định.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động và thực hiện giám sát của Ban kiểm soát năm 2023.

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Điều lệ tổ cshức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Tham dự các cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc chủ trì để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, làm cơ sở cho công tác giám sát.

- Tổ chức theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

- Tham gia góp ý, xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy

định của Tổng Công ty và các văn bản chỉ đạo điều hành về cơ chế kinh doanh xăng dầu. Xem xét tính pháp lý, tính phù hợp của trình tự, thủ tục ban hành và việc triển khai thực hiện các văn bản nội bộ, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty.

- Tổ chức các cuộc họp của Ban kiểm soát để giám sát, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản trị điều hành và kế toán tài chính của Tổng Công ty. Tổ chức thực hiện phân tích, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản trị doanh nghiệp năm 2023.

- Xem xét các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong năm 2023, kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực trong việc lập báo cáo tài chính và thẩm định tính hệ thống, nhất quán, phù hợp của công tác kế toán, thống kê, tài chính của Tổng Công ty. Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán báo cáo tài chính năm.

- Giám sát việc công bố thông tin của công ty đại chúng tuân thủ các quy định của pháp luật chứng khoán để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

- Giám sát việc thực hiện các quy định của Bộ luật Lao động và chế độ chính sách đối với người lao động.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2023:

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã quyết định không thực hiện trích lập Quỹ thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng của Ban Điều hành Tổng Công ty khi phân phối lợi nhuận năm 2022.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Không có.

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Giấy ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)
1	Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	Người có liên quan	3700817346	Bình Dương	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/03/2023 về việc thông qua các hợp đồng và giao dịch nội bộ.

2	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Người có liên quan	3700828316	Bình Dương	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/03/2023
3	Công ty CP SXKD Thanh Lễ	Người có liên quan	3700785510	Bình Dương	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/03/2023
4	Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	Người có liên quan	3702525028	Bình Dương	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/03/2023
5	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Người có liên quan	3700148529	Bình Dương	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/03/2023
6	Công ty CP XD & DV Hàng hải S.T.S	Người có liên quan của người nội bộ	0303235586	Bình Dương	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/03/2023

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Tổng Công ty chưa phân bổ vào kết quả kinh doanh của năm nay 76.854.145.430 đồng, về khoản lợi thế kinh doanh bổ sung theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng đất và Thông báo số 53/TB-UBND ngày 22/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh phương án sử dụng đất của Tổng Công ty.

Ngoại trừ vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kết toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán đính kèm theo báo cáo này. Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2023 đã được công bố trên trang thông tin điện tử thalexim.vn của Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP.

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, KT.

TỔNG CÔNG TY TM XNK THANH LỄ - CTCP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ CTCP

Đoàn Minh Quang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN 2023

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XNK THANH LỄ - CTCP

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt

MỤC LỤC

		Trang
1.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
2.	Báo cáo kiểm toán độc lập	6 – 7
	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
3.	Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	8 – 9
4.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho niên độ kế toán 2023	10
5.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2023	11 - 12
6.	Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2023	13 - 68

****

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là **"Tổng Công ty"**) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2023 của Tổng Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nguyên là Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số **1165/QĐ-TTg** ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần,** mã số **3700146458,** đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 12 năm 2023.

Vốn điều lệ : **2.366.000.000.000 Đồng**

Vốn pháp định : **6.000.000.000 Đồng**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có:

* ***Trụ sở chính***

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : www.thalexim.vn
- E-mail : contact@thalexim.vn
- Mã số DN : **3 7 0 0 1 4 6 4 5 8**

* ***Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết** với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

1.	Ông	Đoàn Minh Quang	Chủ tịch HĐQT
2.	Bà	Phạm Thị Băng Trang	Thành viên HĐQT
3.	Bà	Phạm Thị Kim Thành	Thành viên HĐQT
4.	Ông	Lê Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT không điều hành
5.	Ông	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành

Ban Kiểm soát (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

1.	Bà	Nguyễn Thị Khánh Hà	Trưởng ban
2.	Bà	Bùi Thị Kim Khoa	Thành viên
3.	Ông	Lê Tuấn Vũ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc (Nhiệm kỳ 2023 - 2028)

1.	Bà	Phạm Thị Băng Trang	Tổng Giám đốc
2.	Bà	Phạm Thị Kim Thành	Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông	Đặng Văn Đoàn	Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông	Trần Đình Giáp	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 03/01/2023)

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

1. Ông Đoàn Minh Quang Chủ tịch HĐQT
2. Bà Phạm Thị Băng Trang Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2023 của Tổng Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2023 của Tổng Công ty và các Công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 08 đến trang 68.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

* Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
* Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
* Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
* Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
* Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2023 kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2023 của Tổng Công ty và các Công ty con, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty

và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán; đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc – Phạm Thị Băng Trang

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Số: 2906.01.02/2024/BCTC/NTV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2023 kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024, từ trang 07 đến trang 68, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2023 kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến

về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tổng Công ty chưa phân bổ vào kết quả kinh doanh của năm nay **76.854.145.430 Đồng,** về khoản lợi thế kinh doanh bổ sung theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng đất và Thông báo số 53/TB-UBND ngày 22/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh phương án sử dụng đất của Tổng Công ty (Thuyết minh V.21).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

M.S.D.N: 0102038482 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phó Tổng Giám đốc – Võ Công Tuấn	**Kiểm toán viên – Lê Ẩn Thoa**
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*
Số : 0486-2023-124-1	*Số: 4705-2024-124-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**5.887.936.413.397**	**5.278.616.435.857**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	V.1	**1.446.850.161.071**	**1.159.129.923.255**
111	1. Tiền		1.143.436.661.071	732.934.923.255
112	2. Các khoản tương đương tiền		303.413.500.000	426.195.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**70.136.416.400**	**8.198.000.000**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	70.136.416.400	8.198.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.428.862.325.387**	**2.130.227.657.508**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	1.258.027.520.455	1.951.233.600.303
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	20.937.660.312	23.257.192.187
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	8.000.000.000	22.600.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	149.046.559.087	140.286.279.485
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(7.149.414.467)	(7.149.414.467)
140	**IV. Hàng tồn kho**		**2.877.977.117.016**	**1.944.110.851.997**
141	1. Hàng tồn kho	V.8	2.877.977.117.016	1.944.110.851.997
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**64.110.393.523**	**36.950.003.097**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9	10.580.391.606	6.335.941.443
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.10	53.298.054.966	30.398.509.914
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	231.946.951	215.551.740
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**3.283.330.778.869**	**2.787.515.550.356**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**39.175.750.420**	**40.175.617.420**
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.12	3.789.171.680	3.789.171.680
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.13	13.184.628.740	14.187.195.740
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.14	22.201.950.000	22.199.250.000
220	**II. Tài sản cố định**		**1.524.289.806.199**	**1.583.523.374.269**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.15	1.194.458.300.347	1.246.828.154.185
222	- *Nguyên giá*		*2.289.987.970.680*	*2.269.033.626.290*
223	- *Giá trị hao mòn lũy kế*		*(1.095.529.670.333)*	*(1.022.205.472.105)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.16	329.831.505.852	336.695.220.084
228	- *Nguyên giá*		*429.936.846.604*	*429.936.846.604*
229	- *Giá trị hao mòn lũy kế*		*(100.105.340.752)*	*(93.241.626.520)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**	V.17	**177.862.315.209**	**177.804.494.834**
231	- *Nguyên giá*		*226.024.154.235*	*223.372.781.912*
232	- *Giá trị hao mòn lũy kế*		*(48.161.839.026)*	*(45.568.287.078)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**867.207.730.638**	**625.294.478.648**
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.18	31.074.295.370	51.513.141.205
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.19	836.133.435.268	573.781.337.443
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**		**343.495.941.446**	**333.479.821.661**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.20	343.495.941.446	333.479.821.661
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**331.299.234.957**	**27.237.763.524**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.21	331.299.234.957	27.237.763.524
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**9.171.267.192.266**	**8.066.131.986.213**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**6.444.760.450.219**	**5.443.783.718.597**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**6.119.407.089.202**	**5.091.640.362.328**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.22	537.339.292.146	1.812.778.397.292
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.23	8.468.395.655	80.204.475.808
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.24	161.248.581.413	222.680.177.934
314	4. Phải trả người lao động		16.858.884.827	24.023.674.578
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.25	23.673.696.825	5.283.006.610
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.26	143.205.322.258	1.302.448.046.800
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.27	4.791.007.919.678	1.317.949.702.728
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.28	47.529.808.300	56.992.232.280
323	9. Quỹ bình ổn giá	V.29	390.075.188.100	269.280.648.298
330	**II. Nợ dài hạn**		**325.353.361.017**	**352.143.356.269**
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.30	22.024.200.000	22.024.200.000
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.31	4.500.000.000	4.500.000.000
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.32	243.656.990.867	255.809.235.875
337	4. Phải trả dài hạn khác	V.33	24.547.370.150	29.512.320.394
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.34	30.624.800.000	40.297.600.000
400	**D VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.726.506.742.047**	**2.622.348.267.616**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	V.35	**2.726.506.742.047**	**2.622.348.267.616**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.35.1	2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ	V.35.2	(243.800.000)	(243.800.000)
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	V.35.3	(25.242.423.594)	(25.242.423.594)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	V.35.4	15.757.298.185	15.504.298.185
421	5. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.35.5	146.242.168.212	42.289.145.822
421a	- *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*40.325.377.478*	*14.098.039.780*
421b	- *LNST chưa phân phối kỳ này*		*105.916.790.734*	*28.191.106.042*
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.35.6	223.993.499.244	224.041.047.203
430	**II. Nguồn kinh phí**		-	-
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**9.171.267.192.266**	**8.066.131.986.213**

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Ngân	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao	Phạm Thị Băng Trang

M.S.D.N:3700146458-C.T.C.P TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ CTCP TP. THỦ DẦU MỘT-T. BÌNH DƯƠNG

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**19.933.917.252.059**	**25.508.217.273.383**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	VI.36	**19.933.917.252.059**	**25.508.217.273.383**
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.37	19.172.185.959.232	24.815.835.544.246
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**761.731.292.827**	**692.381.729.137**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.38	82.623.584.900	59.562.145.537
22	7. Chi phí tài chính	VI.39	285.884.535.637	244.788.558.249
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*212.694.756.581*	*141.565.021.871*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	VI.40	20.713.710.109	24.102.594.558
25	9. Chi phí bán hàng	VI.41	322.274.923.551	356.584.020.953
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.42	99.438.485.461	100.324.696.709
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**157.470.643.187**	**74.349.193.321**
31	12. Thu nhập khác	VI.43	13.692.373.530	9.343.915.022
32	13. Chi phí khác	VI.44	8.840.458.280	4.697.042.307
40	**14. Lợi nhuận khác**		**4.851.915.250**	**4.646.872.715**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**162.322.558.437**	**78.996.066.036**
51	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.45	41.348.390.467	35.842.970.325
60	**17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp**		**120.974.167.970**	**43.153.095.711**
61	18. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		112.824.696.181	34.726.645.426
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	VI.46	8.149.471.789	8.426.450.285
70	**20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	VI.47	**427**	**144**
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		427	144

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Ngân	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao	Phạm Thị Băng Trang

M.S.D.N: 3700146458 - C.T.C.P * TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ CTCP * TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**162.322.558.437**	**78.996.066.036**
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	V.15;16;17	90.953.193.157	89.250.655.675
03	- Các khoản dự phòng		-	(139.074.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		8.151.172	6.758.401
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(38.498.171.457)	(37.296.303.523)
06	- Chi phí lãi vay	VI.39	212.694.756.581	141.565.021.871
07	- Các khoản điều chỉnh khác		104.537.375.458	288.621.303.529
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**532.017.863.348**	**561.004.427.989**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		297.546.133.693	(1.025.713.799.735)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(913.427.419.184)	352.930.263.377
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(2.549.144.555.736)	2.204.366.682.297
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(308.305.921.596)	(169.576.154)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(208.642.673.321)	(140.871.666.794)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.24	(39.651.121.164)	(33.385.360.277)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8.634.588.388	5.020.363.515
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(17.130.329.427)	(16.655.567.361)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(3.198.103.434.999)**	**1.906.525.766.857**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(304.376.270.098)	(308.646.200.852)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		367.303.125.165	427.346.749.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(76.937.616.400)	(5.198.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		29.599.200.000	2.570.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		31.837.473.886	31.782.810.267
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**47.425.912.553**	**147.855.358.415**

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền thu từ đi vay		18.046.878.367.368	15.835.117.758.188
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(14.600.324.558.554)	(17.313.183.954.514)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.147.897.380)	(88.594.628.740)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**3.438.405.911.434**	**(1.566.660.825.066)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**287.728.388.988**	**487.720.300.206**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	V.1	**1.159.129.923.255**	**671.416.381.450**
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.151.172)	(6.758.401)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	V.1	**1.446.850.161.071**	**1.159.129.923.255**

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Ngân	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao	Phạm Thị Băng Trang

M.S.D.N: 3700146458-C.T.C.P. TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ CTCP TP. THỦ DẦU MỘT-T. BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2023 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, sau đây viết tắt là "Tổng Công ty".

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Tổng Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh Xăng dầu; Vận tải xăng dầu đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất nước sạch đóng chai; Sản xuất bao bì;
- Kinh doanh tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh đô thị, quản lý nghĩa trang; Quản lý vận hành, duy tu hệ thống chiếu sáng công cộng; Duy trì hệ thống thoát nước đô thị;
- Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Kinh doanh kho bãi, vận chuyển hàng hóa và một số hoạt động kinh doanh khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc chung của Tổng Công ty

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cấu trúc của Tổng Công ty như sau:

+ Trụ sở chính;
+ Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc;
+ Các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết.

❖ ***Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc bao gồm:***

	Tên đơn vị kinh doanh	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM	Văn phòng giao dịch và cho thuê văn phòng
2.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại TP Long Xuyên – An Giang	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh xăng dầu
3.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Xã Thủy Phù, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Kinh doanh xăng dầu
4.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Bình Phước	Số 626, Quốc lộ 14, Phường Tân Phú, TP Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	Kinh doanh xăng dầu
5.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Đắk Lắk	Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xăng dầu
6.	Công viên Nước Thanh Lễ	563 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Công viên vui chơi, dịch vụ ăn uống, cho thuê hội trường
7.	Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star	Số 37 Hùng Vương, Phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, cho thuê hội trường
8.	Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kho chứa xăng dầu
9.	Tổng kho Xăng dầu VK 102 – Thanh Lễ	Ấp 6, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
10.	Kho cảng Xăng dầu Bình Thắng	Đường ĐT 743A, Khu phố Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Kho chứa xăng dầu
11.	Ban Quản lý KCN Sóng Thần I - Bình Đường	Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần 1, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp
12.	Hệ thống 20 cửa hàng bán lẻ xăng dầu	Tỉnh Bình Dương và Bình Phước	Kinh doanh xăng dầu
13.	Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn	Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh vật liệu xây dựng

❖ *Công ty con và Công ty liên doanh liên kết*

	Tên Công ty	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đăng ký DN	Vốn đầu tư của TCT vào Công ty con và Công ty liên kết	Tỷ lệ quyền kiểm soát của TCT
	Công ty con				
1.	Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: 3700144108	43.738.905.964	100%
2.	Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nhiên liệu	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: 3702525028	15.000.000.000	100%
3.	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3700828316	24.000.000.000	80,00%
4.	Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3702395178	278.327.692.200	60%
5.	Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Vận tải xăng dầu; Kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3700817346	45.302.676.635	57,97%
6.	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3700785510	8.188.380.782	56,84%
	Công ty liên kết				
7.	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Cung cấp các loại giống cây trồng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3701815415	37.937.734.355	35,02%
8.	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3700148529	256.458.010.136	25,00%

Khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty con tại ngày 31/12/2023 như sau:

Công ty	Giá trị khoản đầu tư	Lợi thế thương mại	Giá trị phần vốn góp thực tế	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	17.738.905.964	26.000.000.000	26.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	-	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	278.327.692.200	-	278.327.692.200	463.879.487.000	60,00%
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	6.988.136.848	38.314.539.787	66.088.039.787	57,97%
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	515.380.782	7.673.000.000	13.500.000.000	56,84%
Cộng	**414.557.655.581**	**25.242.423.594**	**389.315.231.987**		

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Cụ thể:

+ Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là "Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
+ Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là "Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Tổng Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Báo cáo tài chính của các Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát này đạt được khi

Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty con đó.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày đầu tư, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và Công ty con.

Số dư các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và các giao dịch nội bộ, các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng tập đoàn sẽ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ; được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tổng Công ty ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có gốc ngoại tệ vào Báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Đối với thành phẩm giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;

b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;

c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi

ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

	Nhóm Tài sản cố định hữu hình	**Số năm**
-	Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
-	Máy móc và thiết bị	03 – 15
-	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
-	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15
-	Tài sản cố định khác	05 – 10

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

TSCĐ vô hình của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSDĐ) có thời hạn, QSDĐ lâu dài và Giấy phép xả nước thải, được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế. QSDĐ là tiền thuê đất Tổng Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

	Nhóm Tài sản cố định vô hình	**Số năm**
-	Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
-	Giấy phép xả nước thải	10

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐSĐT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc

chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

BĐSĐT cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các nhóm BĐSĐT như sau:

Nhóm Bất động sản đầu tư	Số năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
- Quyền sử dụng đất có thời hạn, Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Các khoản đầu tư tài chính

❖ ***Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (các khoản tiền gửi có kỳ hạn). Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ *Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Công ty liên doanh, liên kết là các bên nhận vốn đầu tư mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đến các chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên doanh, liên kết.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này được trình bày phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm các điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết. Phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty. Các khoản được chia từ công ty liên doanh, liên kết phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của Tổng Công ty thay đổi phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên doanh, liên kết mà không phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính ...).

Trường hợp khoản lỗ trong công ty liên doanh, liên kết mà Tổng Công ty phải gánh chịu lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính hợp nhất thì Tổng Công ty chỉ ghi giảm giá trị khoản đầu tư trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi nó bằng không.

10. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trên Bảng Cân đối kế toán, chi phí trả trước được trình bày theo tiêu chí trả trước ngắn hạn và dài hạn.

Chi phí trả trước ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh thể hiện khoản thanh toán của bên mua cho những lợi ích kinh tế ước tính thu được trong tương lai từ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định được một cách riêng biệt.

Xác định giá trị ban đầu của Lợi thế thương mại theo giá gốc: là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận.

Theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: "Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị

các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu "**Chênh lệch đánh giá lại tài sản**" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất".

12. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ảnh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

14. Chi phí phải trả

Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau ...).

Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắn chắn thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải được giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá, dịch vụ, tài sản cho người mua sử dụng.

Doanh thu chưa thực hiện của Tổng Công ty được ghi nhận trong trường hợp Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện được tính và kết chuyển dần vào doanh thu của các kỳ kế toán sau.

16. Vốn chủ sở hữu

❖ *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

❖ *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

❖ *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ảnh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ *Trích lập các quỹ*

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ công ty, mức trích lập được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

❖ *Lợi ích cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần bao gồm: Giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và Phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

a. Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;

b. Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;

c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán (mẫu số).

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại Việt Nam nên không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 1, Mục **VII – Thông tin khác** của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

ĐVT: Đồng

			Số cuối năm	Số đầu năm
1.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**			
-	Tiền mặt tại quỹ		19.402.047.866	23.326.676.052
-	Tiền gửi ngân hàng	(*)	1.124.034.613.205	709.608.247.203
-	Các khoản tương đương tiền	(**)	303.413.500.000	426.195.000.000
	Cộng		**1.446.850.161.071**	**1.159.129.923.255**
(*)	*Trong đó Tiền gửi*		*USD 22,061.00*	*USD 36,289.02*

(**) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng TMCP.

2.	**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**	**70.136.416.400**	**8.198.000.000**

Các khoản Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng TMCP.

Trong đó, Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương là **4.098.800.000 đồng** đang được thế chấp cho Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương để đảm bảo nợ vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 11/2019/HĐTD và 01/2023/HĐTD (tham chiếu Thuyết minh số V.27 và V.34).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

-	Phải thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	808.715.527.356	1.350.679.685.181
-	Phải thu hoạt động kinh doanh Bất động sản	269.785.388.474	333.398.679.243
-	Phải thu hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác	179.526.604.625	267.155.235.879
	Cộng	**1.258.027.520.455**	**1.951.233.600.303**
	Trong đó số dư với Bên liên quan:		
+	*Công ty CP Xăng Dầu và DV Hàng Hải S.T.S*	*491.151.977*	*1.208.805.740*
+	*Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD*	*6.293.000*	*9.360.000*

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

		Số cuối năm	Số đầu năm
-	Trả trước hoạt động kinh doanh xăng dầu	2.976.322.449	641.692.884
-	Trả trước hoạt động kinh doanh Bất động sản	10.409.271.605	17.384.496.306
-	Trả trước hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác	7.552.066.258	5.231.002.997
	Cộng	**20.937.660.312**	**23.257.192.187**

5. Phải thu cho vay ngắn hạn **8.000.000.000** **22.600.000.000**

Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương (là Bên liên quan) vay ngắn hạn, lãi suất 9%/năm.

6. Phải thu ngắn hạn khác

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ	9.084.777.997	22.296.182.571
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ	-	16.575.669.865
- Tạm ứng	59.100.245.822	93.838.919.650
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40.000.000.000	3.002.700.000
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.766.696.009	1.682.415.536
- Công ty Cổ phần Xăng Dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S (*)	38.259.000.000	-
- Các đối tượng khác	835.839.259	2.890.391.863
Cộng	**149.046.559.087**	**140.286.279.485**

(*) Là Bên liên quan.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV Minh Nguyệt	2.897.012.000	(2.897.012.000)	2.897.012.000	(2.897.012.000)
- DNTN Dịch vụ Thương mại Hải Long	1.446.839.586	(1.446.839.586)	1.446.839.586	(1.446.839.586)
- Công ty TNHH XD Dịch vụ Tư vấn XNK Kim Phát	1.177.940.000	(1.177.940.000)	1.177.940.000	(1.177.940.000)
- Công ty TNHH XD và Thương mại DAT	1.300.714.089	(1.300.714.089)	1.300.714.089	(1.300.714.089)
- Công ty TNHH Phong Huy Vân	41.852.000	(41.852.000)	41.852.000	(41.852.000)
- Ông Thái Tấn Phát	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
- Công ty TNHH MTV Vận tải XD Tấn Hoàng	170.113.583	(85.056.792)	170.113.583	(85.056.792)
Cộng	**7.234.471.258**	**(7.149.414.467)**	**7.234.471.258**	**(7.149.414.467)**

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	499.960.375.244	166.301.926.947
- Nguyên liệu, vật liệu	69.379.993.303	89.645.843.771
- Công cụ, dụng cụ	1.744.512.513	1.517.369.478
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	207.000.000	1.176.150.000
- Thành phẩm	519.667.183.898	554.748.792.567
- Hàng hoá	1.787.018.052.058	1.130.720.769.234
Cộng	**2.877.977.117.016**	**1.944.110.851.997**

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	1.026.424.106	2.106.369.948	(1.789.777.940)	1.343.016.114
- Chi phí bảo hiểm, sửa chữa, chi phí khác	5.309.517.337	44.670.555.327	(40.742.697.172)	9.237.375.492
Cộng	**6.335.941.443**	**46.776.925.275**	**(42.532.475.112)**	**10.580.391.606**

		Số cuối năm	Số đầu năm
10.	**Thuế GTGT được khấu trừ**	**53.298.054.966**	**30.398.509.914**

Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ và TSCĐ mua vào.

11. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước

-	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	215.551.740	215.551.740
-	Thuế Thu nhập cá nhân	9.638.209	-
-	Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	6.757.002	-
	Cộng	**231.946.951**	**215.551.740**

12.	**Phải thu dài hạn của khách hàng**	**3.789.171.680**	**3.789.171.680**

Phải thu dài hạn của các khách hàng thuộc hoạt động kinh doanh Bất động sản.

13.	**Trả trước cho người bán dài hạn**	**13.184.628.740**	**14.187.195.740**

Khoản trả trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước.

14. Phải thu dài hạn khác

-	Đặt cọc Hợp đồng thực hiện dự án Kho xăng dầu Cục Hậu cần QK7	20.000.000.000	20.000.000.000
-	Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án Nha Bích	1.967.250.000	1.967.250.000
-	Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu	228.000.000	228.000.000
-	Các đối tượng khác	6.700.000	4.000.000
	Cộng	**22.201.950.000**	**22.199.250.000**

15. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ / Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.560.742.335.692	252.945.504.803	445.656.084.812	6.468.148.980	3.221.552.003	2.269.033.626.290
Tăng trong năm	6.613.790.246	12.645.345.057	14.508.552.186	239.020.000	-	34.006.707.489
Phân loại lại	-	1.679.461.281	(1.679.461.281)	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(2.249.937.250)	(2.312.732.818)	(8.021.081.781)	(442.611.250)	-	(13.026.363.099)
Giảm khác	-	(26.000.000)	-	-	-	(26.000.000)
Số cuối năm	**1.565.106.188.688**	**264.931.578.323**	**450.464.093.936**	**6.264.557.730**	**3.221.552.003**	**2.289.987.970.680**
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	633.419.474.823	116.226.696.720	264.684.854.363	5.128.849.441	2.745.596.758	1.022.205.472.105
Khấu hao trong năm	35.034.565.072	17.367.397.051	28.751.878.780	241.721.470	100.364.604	81.495.926.977
Phân loại lại	-	134.384.586	(134.384.586)	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(2.128.915.491)	(2.221.544.751)	(3.369.192.002)	(426.076.505)	-	(8.145.728.749)
Giảm khác	-	(26.000.000)	-	-	-	(26.000.000)
Số cuối năm	**666.325.124.404**	**131.480.933.606**	**289.933.156.555**	**4.944.494.406**	**2.845.961.362**	**1.095.529.670.333**
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	927.322.860.869	136.718.808.083	180.971.230.449	1.339.299.539	475.955.245	1.246.828.154.185
Số cuối năm	**898.781.064.284**	**133.450.644.717**	**160.530.937.381**	**1.320.063.324**	**375.590.641**	**1.194.458.300.347**
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng						
Số đầu năm	17.209.263.214	28.561.447.580	75.821.317.098	1.608.467.217	1.738.604.003	124.939.099.112
Số cuối năm	17.906.236.538	32.791.580.964	102.784.713.512	1.664.967.217	1.738.604.003	**156.886.102.234**

16. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ / Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất [a]	Phần mềm máy tính	Giấy phép và GP nhượng quyền [b]	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	428.769.224.785	849.440.000	318.181.819	429.936.846.604
Mua trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	**428.769.224.785**	**849.440.000**	**318.181.819**	**429.936.846.604**
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	92.666.591.240	312.536.015	262.499.265	93.241.626.520
Khấu hao trong năm	6.662.007.612	169.888.008	31.818.612	6.863.714.232
Số cuối năm	**99.328.598.852**	**482.424.023**	**294.317.877**	**100.105.340.752**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	336.102.633.545	536.903.985	55.682.554	336.695.220.084
Số cuối năm	**329.440.625.933**	**367.015.977**	**23.863.942**	**329.831.505.852**

[a] Là Quyền sử dụng đất tại các Cửa hàng xăng dầu, Công ty con, Chi nhánh và Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty.

[b] Là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.

17. Bất động sản đầu tư

Nhóm BĐS / Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất [a]	Nhà cửa, vật kiến trúc tại CN HCM [b]	Nhà cửa, vật kiến trúc tại Cao ốc Bình Dương	Nhà xưởng và văn phòng cho thuê	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	155.738.416.055	22.486.765.076	31.620.064.521	13.527.536.260	223.372.781.912
Tăng trong năm	-	-	2.651.372.323	-	2.651.372.323
Số cuối năm	**155.738.416.055**	**22.486.765.076**	**34.271.436.844**	**13.527.536.260**	**226.024.154.235**
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	20.185.573.497	7.016.388.114	7.014.943.492	11.351.381.975	45.568.287.078
Khấu hao trong năm	523.021.476	444.125.652	1.224.870.144	401.534.676	2.593.551.948
Số cuối năm	**20.708.594.973**	**7.460.513.766**	**8.239.813.636**	**11.752.916.651**	**48.161.839.026**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	135.552.842.558	15.470.376.962	24.605.121.029	2.176.154.285	177.804.494.834
Số cuối năm	**135.029.821.082**	**15.026.251.310**	**26.031.623.208**	**1.774.619.609**	**177.862.315.209**

[a] Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Cao ốc Bình Dương;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (Đất thuê còn lại sau khi thanh lý, nhượng bán có thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/10/2054).

[b] Tòa nhà Cao ốc văn phòng tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

18. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

		Số cuối năm	Số đầu năm
-	Khu nhà Thương mại An Bình	19.842.941.801	19.842.941.801
-	Khu nhà Thương mại Phú Thọ, Thanh Lễ	11.231.353.569	11.231.353.569
-	Khu biệt thự vườn Chánh Mỹ	-	16.093.192.278
-	Khu Dân cư An Sơn	-	4.345.653.557
	Cộng	**31.074.295.370**	**51.513.141.205**

19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

-	Khu Kho cảng An Sơn	346.227.346.115	236.808.673.084
-	Kho xăng dầu Phú Quốc	170.949.172.305	170.700.838.971
-	Khu Nha Bích	139.899.834.185	13.814.358.456
-	Trung tâm Thương mại Thanh Lễ Phú Giáo	50.961.865.686	41.534.840.754
-	Cải tạo tổng kho XD Chánh Mỹ	41.098.746.977	41.098.746.977
-	Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	31.254.049.234	26.646.368.734
-	Hệ thống cửa hàng xăng dầu	11.968.647.652	6.365.739.869
-	Các công trình, dự án khác	43.773.773.114	36.811.770.598
	Cộng	**836.133.435.268**	**573.781.337.443**

20. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

		Số cuối năm	Số đầu năm
20.1	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	288.488.501.289	281.012.788.833
20.2	Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương	55.007.440.157	52.467.032.828
	Cộng	**343.495.941.446**	**333.479.821.661**

20.1 Khoản đầu tư vào **Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương** (UPCoM: MVC). Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty nắm giữ **25.000.000 Cổ phiếu**, chiếm **25%** Vốn điều lệ của Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

20.2 Khoản đầu tư vào **Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương** (UPCoM: AFC). Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty nắm giữ **3.743.327 Cổ phiếu**, chiếm 35,02% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương.

Tình hình biến động của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

	Nội dung	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	Công ty CP Nông Lâm nghiệp BD	Cộng
	Giá gốc khoản đầu tư	**256.458.010.136**	**37.937.734.355**	**294.395.744.491**
	Lợi nhuận lũy kế khoản đầu tư			
-	Số đầu năm	24.554.778.697	14.529.298.473	39.084.077.170
-	Lợi nhuận trong năm	15.330.313.047	5.383.397.062	20.713.710.109
-	Phân phối lợi nhuận trong năm	(7.854.600.591)	(2.842.989.733)	(10.697.590.324)
+	*Nhận cổ tức*	*(7.500.000.000)*	*(2.245.996.200)*	*(9.745.996.200)*
+	*Trích quỹ KTPL, điều chỉnh khác*	*(354.600.591)*	*(596.993.533)*	*(951.594.124)*
-	Số cuối năm	**32.030.491.153**	**17.069.705.802**	**49.100.196.955**
	Giá trị khoản đầu tư liên kết			
-	Số đầu năm	281.012.788.833	52.467.032.828	333.479.821.661
-	Số cuối năm	**288.488.501.289**	**55.007.440.157**	**343.495.941.446**

21. Chi phí trả trước dài hạn

	Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
-	Chi phí sửa chữa, cải tạo	15.984.147.167	11.510.967.756	(12.347.083.611)	15.148.031.312
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.590.095.388	-	(397.523.852)	1.192.571.536
-	Lợi thế kinh doanh bổ sung (*)	-	307.416.581.721	-	307.416.581.721
-	Công cụ dụng cụ và các chi phí khác	9.663.520.969	3.229.368.289	(5.350.838.870)	7.542.050.388
	Cộng	**27.237.763.524**	**322.156.917.766**	**(18.095.446.333)**	**331.299.234.957**

(*) Khoản tiền ghi nhận theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng đất và Thông báo số 53/TB-UBND ngày 22/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc xác định giá trị khu đất thuê lại thuộc Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Tổng Công ty dự kiến phân bổ trong thời hạn 4 năm (2024 – 2027; căn cứ Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước)

22. Phải trả người bán ngắn hạn

		Số cuối năm	Số đầu năm
-	Phải trả hoạt động kinh doanh xăng dầu	429.602.570.987	1.723.328.061.118
-	Phải trả hoạt động kinh doanh Bất động sản	1.668.075.108	2.770.122.399
-	Phải trả hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác	106.068.646.051	86.680.213.775
	Cộng	**537.339.292.146**	**1.812.778.397.292**
	Trong đó số dư với Bên liên quan:		
+	*Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương*	*258.468.088*	*544.105.762*

23. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

-	Trả trước hoạt động kinh doanh xăng dầu	7.787.634.080	13.720.929.628
-	Trả trước hoạt động kinh doanh Bất động sản	250.000.000	250.000.000
-	Trả trước hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác	430.761.575	66.233.546.180
	Cộng	**8.468.395.655**	**80.204.475.808**
	Trong đó số dư với Bên liên quan:		
+	*Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương*	*7.073.647.554*	*76.802.268.562*

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phải nộp trong năm (*)	Thực nộp trong năm (*)	Số cuối năm
-	Thuế Giá trị gia tăng	58.748.191.741	45.019.200.653	101.179.312.618	2.588.079.776
-	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	16.575.669.865	722.508.016.943	739.083.686.808	-
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt hàng NK	15.068.790.786	301.656.485.131	316.725.275.917	-
-	Thuế Xuất, Nhập khẩu	11.162.067.248	174.353.221.949	185.515.289.197	-
-	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	28.626.311.832	41.348.390.467	39.651.121.164	30.323.581.135
-	Thuế Thu nhập cá nhân	1.632.369.172	2.621.931.851	3.867.283.670	387.017.353
-	Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	7.607.630.865	7.614.387.867	(6.757.002)
-	Thuế bảo vệ môi trường	90.552.845.550	1.437.899.859.200	1.400.789.231.550	127.663.473.200
-	Thu hộ Phí sử dụng đường bộ; Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	98.380.000	355.864.921.414	355.902.061.414	61.240.000
	Cộng	**222.464.626.194**	**3.088.879.658.473**	**3.150.327.650.205**	**161.016.634.462**
	Trong đó:				
-	Thuế phải nộp	***222.680.177.934***			***161.248.581.413***
-	Thuế nộp thừa *(Tham chiếu V.11)*	***(215.551.740)***			***(231.946.951)***

(*) Số phải nộp, thực nộp trong năm được trình bày theo số thuần (đã bù trừ với số thuế của hàng nhập khẩu được hoàn).

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

* *Không chịu thuế* : *Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, Dịch vụ công ích chăm sóc cây xanh đô thị, vận hành chiếu sáng công cộng*
* *Không kê khai thuế* : *Hoa hồng đại lý bảo hiểm, lệ phí cấp GCN kiểm định, phí sử dụng đường bộ*
* *5%* : *Nước sinh hoạt*
* *8% và 10%* : *Xăng, dầu, nhớt các loại; đá xây dựng; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, cung cấp dịch vụ...*

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất áp dụng

* *8%* : *Xăng E5 Ron 92*
* *10%* : *các loại xăng khác*
* *20%* : *hoạt động kinh doanh Gôn*

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan. Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu xăng dầu theo các Thông tư sau:

- Thông tư 156/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2018-2022.
- Thông tư số 149/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2018-2022.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Các khoản Phí, lệ phí phải nộp

- Thu hộ Lệ phí cấp giấy chứng nhận và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016, Thông tư 36/2022/TT-BTC ngày 16/06/2022 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 199/2016/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 01/08/2022) quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- Thu hộ Phí sử dụng đường bộ và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/08/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

25. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay	7.305.890.943	3.914.832.258
- Phí môi giới	413.364.184	413.364.184
- Chi phí gia công chế biến đá	127.998.000	195.025.000
- Giá vốn bất động sản phải trả	14.880.000.000	-
- Chi phí khác	946.443.698	759.785.168
Cộng	**23.673.696.825**	**5.283.006.610**

26. Phải trả ngắn hạn khác

		Số cuối năm	Số đầu năm
-	Kinh phí công đoàn	394.440.046	495.927.250
-	Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương	1.377.880.800	1.377.880.800
-	Cổ tức còn phải trả cho cổ đông (Tổng Công ty)	79.885.405	84.407.785
-	Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	8.143.375.000	8.143.375.000
-	Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics	130.872.297.733	99.166.666.667
-	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.576.195.789	1.820.135.877
-	Phải trả liên quan Upas LC cho các ngân hàng TMCP	-	1.190.518.456.125
-	Các khoản phải trả khác	761.247.485	841.197.296
	Cộng	**143.205.322.258**	**1.302.448.046.800**

27. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

		Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Phân loại nợ đến hạn	Số cuối năm
27.1	Ngân hàng TMCP Công thương VN	305.693.474.706	5.993.933.971.404	(5.098.102.977.662)	-	1.201.524.468.448
27.2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	-	162.540.000.000	(57.544.036.495)	-	104.995.963.505
27.3	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN	-	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
27.4	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	286.110.526.325	3.990.080.246.475	(2.678.196.386.304)	-	1.597.994.386.496
27.5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	132.304.961.902	139.188.857.693	(271.493.819.595)	-	-
27.6	Ngân hàng TMCP Quốc tế VN	56.285.312.399	1.131.853.489.624	(856.051.444.111)	-	332.087.357.912
27.7	Malayan Banking Berhad (Maybank)	210.624.851.593	1.505.184.502.106	(1.475.003.498.181)	-	240.805.855.518
27.8	Ngân hàng TMCP Hàng hải VN (MSB)	66.010.652.189	252.299.615.824	(318.310.268.013)	-	-
27.9	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	259.319.123.614	1.742.609.167.840	(1.595.897.953.772)	-	406.030.337.682
27.10	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	-	249.909.901.759	(249.909.901.759)	-	-
27.11	The Siam Commercial Bank Public Company Limited – CN TP Hồ Chí Minh	-	700.333.545.483	(436.191.438.412)	-	264.142.107.071
27.12	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	199.971.900.000	(199.971.900.000)	-	-
27.13	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (VN)	-	1.563.599.829.215	(1.290.438.711.827)	-	273.161.117.388
27.14	Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM	-	364.387.771.188	(96.524.245.530)	-	267.863.525.658
27.15	Nợ đến hạn trả (Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương)	1.600.800.000	-	(1.600.800.000)	2.402.800.000	2.402.800.000
	Cộng	**1.317.949.702.728**	**18.095.892.798.611**	**(14.625.237.381.661)**	**2.402.800.000**	**4.791.007.919.678**

27.1 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2023-HĐCVHM/NHCT640-TCT Thanh Lễ ngày 28/4/2023, cụ thể:

- Giới hạn tín dụng : 1.400.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 28/4/2024
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số máy móc thiết bị và QSDĐ.

27.2 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 092K23-THALE ngày 28/9/2023, cụ thể:

- Giới hạn tín dụng : 55.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 27/9/2024
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
- Số dư cuối năm : **54.995.963.505 Đồng**

Hợp đồng cho vay hạn mức số 106B23 –XDBD ngày 31/10/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 50.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng (kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/10/2024)
- Mục đích vay : Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.
- Lãi suất : Lãi suất cho vay theo chương trình cho vay ngắn hạn đối với khách hàng bán buôn năm 2023 là 5,5%/ năm (áp dụng đến hết ngày 31/3/2024)
- Số dư cuối năm : **50.000.000.000 Đồng**

27.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-230079141 ngày 27/9/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Đến hết ngày 26/9/2024
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng, quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.4 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/83406/HĐTD ngày 27/7/2023 với các nội dụng sau:

- Hạn mức vay : 1.500.000.000.000 Đồng gồm cả VNĐ và ngoại tệ quy đổi
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 27/7/2024
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C, chiết khấu, bao thanh toán, hạn mức thấu chi phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
- Số dư cuối năm : **1.467.994.386.496 Đồng**

Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 02/2023/83406/HĐTD ngày 29/12/2023 với các nội dụng sau:

- Hạn mức thấu chi : 130.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 29/01/2024
- Mục đích vay : Bổ sung vốn ngắn hạn thiếu hụt tạm thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Lãi suất : 4%/năm
- Số dư cuối năm : **130.000.000.000 Đồng**

27.5 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-669-1 ngày 17/8/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 400.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) theo Hợp đồng tín dụng số 5154679.23 ngày 18/5/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 400.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.7 Vay ngắn hạn Ngân hàng Malayan Banking Berhad (MayBank) theo Hợp đồng số HCMC-HN/SLO/THALEXIM/2018/02 ngày 27/11/2018 và các Thư tái tục khoản tín dụng số MBB/HCMC/SLO/2019/THALEXIM/52 ngày 02/12/2019; số MBB/HCMC/LO/2020/THALEXIM/97 ngày 30/11/2020; số MBB/HCMC/LO/2021/THALEXIM/27 ngày 22/4/2021; số MBB/HCMC/LO/2021/THALEXIM/131 ngày 09/12/2021; số MBB/HCMC/SLO/2021/THALEXIM/89 ngày 13/12/2022; số MBB/HCMC/ LO/2023/THALEXIM/103 ngày 23/11/2023; Các điều khoản cơ bản như sau:

- Hạn mức vay : 11.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 23/11/2024
- Mục đích vay : Thư tín dụng L/C, Cho vay tín thác, Tài trợ hoá đơn, Tín dụng tuần hoàn, Bảo lãnh, Hợp đồng mua bán ngoại hối
- Lãi suất : Thư tín dụng (L/C): Lãi suất cho vay cơ bản + biên độ 1,25%/năm; Hợp đồng mua bán ngoại hối (FEC): Theo quy định của NHNN Việt Nam
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.8 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh TPHCM theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 156301/2023/HĐTD ngày 27/12/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.9 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) - Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 441/2023/0105/HĐTDHM-DN/PGBank.SG ngày 10/8/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 600.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 10/8/2024
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.10 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB) theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 537.2022/HDHM/SHB.110100 ngày 14/7/2022, cụ thể:

- Hạn mức vay : 2.000.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 14/7/2023
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.11 Vay ngắn hạn Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 30/11/2022; thư gia hạn ngày 30/11/2023 và Hợp đồng sửa đổi lần thứ nhất của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 23/10/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 12.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 30/11/2024
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại Thông báo rút vốn
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.12 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 200/2023/HDTD/BDG ngày 28/8/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 369.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Thời hạn vay : Không quá 6 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.13 Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) theo Hợp đồng tín dụng số UOB/HCMC/CB-1422 ngày 12/6/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 20.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.14 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20726/22MN/HĐTD ngày 20/6/2022, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.15 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương

Các khoản nợ vay **Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương** đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số V.34) theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) sau:

	Số đầu năm	Phân loại Nợ đến hạn	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
- HĐTD số 11/2019 mua 2 xe ép rác	800.400.000	798.400.000	(800.400.000)	798.400.000
- HĐTD số 04/2021 mua 2 xe ép rác	800.400.000	800.400.000	(800.400.000)	800.400.000
- HĐTD số 01/2023 mua 1 xe ép rác	-	804.000.000	-	804.000.000
Cộng	**1.600.800.000**	**2.402.800.000**	**(1.600.800.000)**	**2.402.800.000**

Nợ vay dài hạn đến hạn trả theo các Hợp đồng tín dụng (Tham chiếu Tham chiếu **V.34.2**).

28. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	56.992.232.280	48.264.450.669
- Bổ sung từ lợi nhuận	7.720.724.415	25.433.233.706
- Tăng khác	9.820.939	-
- Chi trong năm	(17.192.969.334)	(16.705.452.095)
- **Số cuối năm**	**47.529.808.300**	**56.992.232.280**

29. Quỹ bình ổn giá

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Trích trong năm	Sử dụng trong năm	Số cuối năm
- Quỹ bình ổn giá	264.232.481.239	149.416.270.695	(29.320.537.698)	384.328.214.236
- Lãi quỹ bình ổn giá	5.048.167.059	698.806.805	-	5.746.973.864
Cộng	**269.280.648.298**	**150.115.077.500**	**(29.320.537.698)**	**390.075.188.100**

	Số cuối năm	Số đầu năm
30. Phải trả người bán dài hạn	**22.024.200.000**	**22.024.200.000**
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân.		
31. Người mua trả tiền trước dài hạn	**4.500.000.000**	**4.500.000.000**

Các khoản nhận trước tiền của khách hàng thuộc hoạt động kinh doanh Bất động sản tại Khu dân cư An Sơn.

32. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Tiền thuê dài hạn nhận trước đối với hoạt động kinh doanh cho thuê hạ tầng khu công nghiệp và văn phòng làm việc:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	255.809.235.875	267.961.480.883
- Doanh thu đã thực hiện trong năm	(12.152.245.008)	(12.152.245.008)
- Số cuối năm	**243.656.990.867**	**255.809.235.875**

33. Phải trả dài hạn khác

Tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Dae Kwang Apparel	2.440.500.000	7.105.500.000
- Công ty TNHH Dong-A Vina	3.719.761.290	3.610.020.330
- Công ty TNHH ScanCom Việt Nam	4.928.833.800	4.783.422.600
- Công ty Cổ phần Dầu nhờn S.T.S	2.303.083.280	2.303.083.280
- Công ty TNHH Nhựa Tai Yuan Bình Dương	2.062.320.120	2.001.477.240
- Các đối tượng khác	9.092.871.660	9.708.816.944
Cộng	**24.547.370.150**	**29.512.320.394**

34. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

		Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Phân loại Nợ đến hạn	Số cuối năm
34.1	Ngân hàng TMCP Hàng hải VN	37.100.000.000	-	(10.600.000.000)	-	26.500.000.000
34.2	Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương	3.197.600.000	4.000.000.000	(670.000.000)	(2.402.800.000)	4.124.800.000
	Cộng	**40.297.600.000**	**4.000.000.000**	**(11.270.000.000)**	**(2.402.800.000)**	**30.624.800.000**

34.1 Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam theo Hợp đồng cho vay số 567/2021/HĐCV ngày 05/7/2021 với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : **53.000.000.000 Đồng**
- Thời hạn vay : 60 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư các cửa hàng xăng dầu tại Bình Phước
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- Dư nợ 31/12/2023 : **26.500.000.000 Đồng**

Trong đó nợ đến hạn trong vòng 12 tháng : ***10.600.000.000 Đồng***

34.2 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương

Các khoản Vay dài hạn của Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) sau:

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Chuyển Nợ đến hạn	Số cuối năm
- HĐTD số 11/2019 mua 2 xe ép rác	798.400.000		-	(798.400.000)	-
- HĐTD số 04/2021 mua 2 xe ép rác	2.399.200.000		-	(800.400.000)	1.598.800.000
- HĐTD số 01/2023 mua 1 xe ép rác	-	4.000.000.000	(670.000.000)	(804.000.000)	2.526.000.000
Cộng	**3.197.600.000**	**4.000.000.000**	**(670.000.000)**	**(2.402.800.000)**	**4.124.800.000**

Một số điều khoản của các Hợp đồng tín dụng như sau:

* Hợp đồng tín dụng số **11/2019/HĐTD** ngày 09/12/2019 và Phụ lục hợp đồng ngày 27/12/2019:

- Mục đích vay : Đầu tư mua 2 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Số tiền vay : 4.000.000.000 Đồng
- Lãi suất : Lãi suất 3,6%/năm, trả lãi hàng tháng
- Số dư cuối năm : **798.400.000 Đồng** (Nợ đến hạn trả là 798.400.000 Đồng).

* Hợp đồng tín dụng số 04/2021/HĐTD ngày 10/12/2021:

- Mục đích vay : Đầu tư mua 2 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Số tiền vay : 4.000.000.000 Đồng
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Số dư cuối năm : **2.399.200.000 Đồng**, trong đó Nợ đến hạn trả là 800.400.000 Đồng.

* Hợp đồng tín dụng số 01/2023/HĐTD ngày 08/02/2023:

- Mục đích vay : Đầu tư mua 1 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Số tiền vay : 4.000.000.000 Đồng
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Số dư cuối năm : **3.330.000.000 Đồng**, trong đó Nợ đến hạn trả là 800.400.000 Đồng.

Các Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng các Tài sản hình thành từ vốn vay và các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (Thuyết minh số V.2) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

35. Vốn chủ sở hữu (CSH)

	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
A	**Năm trước**				
35.1	Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
35.2	Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
35.3	Chênh lệch đánh giá lại Tài sản	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
35.4	Quỹ đầu tư phát triển	10.291.224.728	5.213.073.457	-	15.504.298.185
35.5	Lợi nhuận sau thuế CPP	114.785.006.276	34.726.645.426	(107.222.505.880)	42.289.145.822
35.6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	223.808.682.434	8.426.450.285	(8.194.085.516)	224.041.047.203
	Cộng	**2.689.398.689.844**	**48.366.169.168**	**(115.416.591.396)**	**2.622.348.267.616**
B	**Năm nay**				
35.1	Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
35.2	Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
35.3	Chênh lệch đánh giá lại Tài sản	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
35.4	Quỹ đầu tư phát triển	15.504.298.185	253.000.000	-	15.757.298.185
35.5	Lợi nhuận sau thuế CPP	42.289.145.822	112.824.696.181	(8.871.673.791)	146.242.168.212
35.6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	224.041.047.203	8.149.471.789	(8.197.019.748)	223.993.499.244
	Cộng	**2.622.348.267.616**	**121.227.167.970**	**(17.068.693.539)**	**2.726.506.742.047**

35.1 *Vốn góp của chủ sở hữu*

-	Mệnh giá cổ phiếu	10.000	Đồng/CP
-	Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
-	Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
-	Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	(20.100)	Cổ phiếu
-	Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	236.579.900	Cổ phiếu
-	Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	236.579.900	Cổ phiếu

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

	Cổ đông	Số cổ phiếu (Số đầu năm)	Số cổ phiếu (Số cuối năm)	Tỷ lệ
-	Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương	85.176.000	85.176.000	36,00%
-	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị Hướng Dương	37.856.000	37.856.000	16,00%
-	Các cổ đông khác	113.568.000	113.568.000	48,00%
	Cộng	**236.600.000**	**236.600.000**	**100,00%**

35.2 *Cổ phiếu quỹ*

Tổng Công ty đã mua lại 20.100 cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2019/NQ-HĐQT ngày 06/5/2019. Thời gian mua lại cổ phiếu quỹ từ ngày 24/6/2019 đến ngày 22/7/2019.

35.3 *Chênh lệch đánh giá lại tài sản*

Tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: "*Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu* ***"Chênh lệch đánh giá lại tài sản"*** *của Bảng cân đối kế toán hợp nhất*".

Tình hình biến động khoản Chênh lệch đánh giá lại tài sản như sau:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	17.738.905.964	17.738.905.964
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	515.380.782	515.380.782
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	6.988.136.848	6.988.136.848
Cộng	**25.242.423.594**	**25.242.423.594**

35.4 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ phân phối lợi nhuận.

35.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	**42.289.145.822**	**114.785.006.276**
- Điều chỉnh lợi nhuận CPP năm trước	(950.768.344)	3.574.502.649
- Phân phối lợi nhuận của năm trước	(1.013.000.000)	(104.261.469.145)
+ *Trích Quỹ Đầu tư phát triển*	*(253.000.000)*	*(5.213.073.457)*
+ *Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi*	*(760.000.000)*	*(15.615.704.045)*
+ *Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành*	-	*(3.232.105.543)*
+ *Chia cổ tức*	-	*(80.200.586.100)*
- Lợi nhuận CPP năm trước chuyển năm nay	40.325.377.478	14.098.039.780
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	112.824.696.181	34.726.645.426
- Phân phối lợi nhuận năm nay	(6.907.905.447)	(6.535.539.384)
+ *Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi*	*(6.536.040.265)*	*(6.178.099.366)*
+ *Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành*	*(371.865.182)*	*(357.440.018)*
- Lợi nhuận CPP năm nay	105.916.790.734	28.191.106.042
- **Lợi nhuận CPP lũy kế chuyển năm sau**	**146.242.168.212**	**42.289.145.822**

35.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Biến động Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong Vốn chủ sở hữu như sau:

	Chỉ tiêu	Vốn góp của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A	**Năm trước**				
-	Số đầu năm	225.152.294.800	75.306.394	(1.418.918.760)	223.808.682.434
-	Lãi, lỗ trong năm	-	-	8.426.450.285	8.426.450.285
-	Chia cổ tức	-	-	(8.144.200.782)	(8.144.200.782)
-	Trích quỹ KTPL	-	-	(49.884.734)	(49.884.734)
-	**Số cuối năm**	**225.152.294.800**	**75.306.394**	**(1.186.553.991)**	**224.041.047.203**
B	**Năm nay**				
-	Số đầu năm	225.152.294.800	75.306.394	(1.186.553.991)	224.041.047.203
-	Lãi, lỗ trong năm	-	-	8.149.471.789	8.149.471.789
-	Chia cổ tức	-	-	(8.144.200.780)	(8.144.200.780)
-	Trích quỹ KTPL	-	-	(52.818.968)	(52.818.968)
-	**Số cuối năm**	**225.152.294.800**	**75.306.394**	**(1.234.101.950)**	**223.993.499.244**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN 2023

ĐVT: Đồng

	Năm nay	Năm trước
36. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	17.459.265.141.913	23.053.021.945.198
- Doanh thu bán các thành phẩm	1.606.474.919.052	1.217.655.008.915
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	390.285.118.484	374.462.997.546
- Doanh thu kinh doanh, cho thuê BĐS	477.548.049.736	860.515.547.266
- Doanh thu khác	344.022.874	2.561.774.458
Cộng Doanh thu thuần	**19.933.917.252.059**	**25.508.217.273.383**
37. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	17.214.236.139.668	22.687.914.802.965
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.566.815.608.722	1.227.927.834.033
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	278.024.211.774	264.564.293.709
- Giá vốn kinh doanh, cho thuê BĐS	113.109.999.068	635.428.613.539
Cộng	**19.172.185.959.232**	**24.815.835.544.246**
38. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.665.095.698	14.157.097.329
- Lãi chênh lệch tỷ giá	56.162.016.465	45.405.048.208
- Chiết khấu thanh toán	3.796.472.737	-
Cộng	**82.623.584.900**	**59.562.145.537**

39. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	212.694.756.581	141.565.021.871
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	73.189.779.056	103.223.536.378
Cộng	**285.884.535.637**	**244.788.558.249**

40. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết

- Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	15.330.313.047	17.259.352.800
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương	5.383.397.062	6.843.241.758
Cộng	**20.713.710.109**	**24.102.594.558**

41. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên bán hàng	73.538.638.953	77.072.782.289
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.445.953.536	2.466.289.654
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.276.864.066	1.374.792.719
- Chi phí khấu hao TSCĐ	36.930.914.428	36.502.014.976
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.197.378.619	121.934.198.273
- Chi phí bằng tiền khác	88.885.173.949	117.233.943.042
Cộng	**322.274.923.551**	**356.584.020.953**

42. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	41.618.197.588	37.626.830.198
- Chi phí vật liệu quản lý	1.085.419.611	1.239.111.692
- Chi phí đồ dùng văn phòng	378.325.976	740.791.391
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.164.576.702	5.891.204.831
- Thuế, phí và lệ phí	82.821.550	85.618.629
- Chi phí dự phòng	-	(139.074.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.462.465.376	11.887.127.498
- Chi phí bằng tiền khác	39.646.678.658	42.993.086.470
Cộng	**99.438.485.461**	**100.324.696.709**

43. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	6.344.067.140	1.172.727.273
- Hoa hồng, phí đường bộ được hưởng	651.108.776	814.189.345
- Thu tiền điện, nước khách thuê, Thu nhập khác	6.697.197.614	7.356.998.404
Cộng	**13.692.373.530**	**9.343.915.022**

44. Chi phí khác

- Chi phí thanh lý tài sản cố định	4.880.634.350	846.315.811
- Các khoản tiền phạt	133.046.114	235.852.563
- Chi tiền điện, nước khách thuê, Chi phí khác	3.826.777.816	3.614.873.933
Cộng	**8.840.458.280**	**4.697.042.307**

45. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**162.322.558.437**	**78.996.066.036**
- Điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	96.236.190.257	149.993.277.289
- Điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	(51.816.796.360)	(47.345.051.686)
- Chuyển lỗ SXKD của các năm trước	-	(2.429.440.012)
- Tổng Thu nhập tính thuế	**206.741.952.334**	**179.214.851.627**
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- **Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**41.348.390.467**	**35.842.970.325**

46. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	1.320.474.208	1.247.118.339
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	(216.358.334)	(274.066.650)
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	6.823.599.617	6.333.019.909
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	221.756.298	1.120.378.687
Cộng	**8.149.471.789**	**8.426.450.285**

47. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Công ty mẹ	**112.824.696.181**	**34.726.645.426**
- Dự kiến phân phối Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(11.774.315.918)	(760.000.000)
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	**101.050.380.263**	**33.966.645.426**
- Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	236.579.900	236.579.900
- **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**427**	**144**
- **Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**427**	**144**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

	Bên liên quan	Mối quan hệ
-	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty con
-	Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	Công ty con
-	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
-	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
-	Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	Công ty con
-	Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Công ty con
-	Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
-	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
-	Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Công ty có cùng thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan

➢ Thu nhập từ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng:

		Năm nay	Năm trước
-	Thù lao của HĐQT, BKS	-	2.112.000.000
-	Thưởng Ban Điều hành	-	990.000.000
-	Tiền lương Ban điều hành (Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, BKS)	3.837.019.232	3.232.769.230
	Cộng (*)	**3.837.019.232**	**6.334.769.230**

➢ Các giao dịch giữa Tổng Công ty với các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan khác như sau:

❖ *Nợ phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Bên liên quan	Số đầu năm	Phải thu trong năm	Đã thu / giảm trong năm	Số cuối năm
-	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*]	251.231.861.184	1.881.905.168.886	1.933.149.128.663	199.987.901.407
-	Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*]	(9.801.189.882)	42.909.877.951	41.705.256.119	(8.596.568.050)
-	Công ty CP SX KD Thanh Lễ [*]	13.142.800	114.767.430	118.661.830	9.248.400
-	Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*]	-	2.605.803.402	2.601.014.697	4.788.705
-	Công ty TNHH Đăng kiểm Xe Cơ giới 61-05D [*]	-	1.322.120.000	1.322.120.000	-
-	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	(76.792.908.562)	321.157.757.809	251.432.203.801	(7.067.354.554)
-	Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	1.208.805.740	391.361.532.332	392.079.186.095	491.151.977
	Cộng	**165.859.711.280**	**2.641.377.027.810**	**2.622.407.571.205**	**184.829.167.885**

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

❖ *Nợ phải thu cổ tức, lãi, cho vay và phải thu khác*

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải thu trong năm	Đã thu / giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*]	9.578.634.947	9.845.649.427	9.845.649.427	9.578.634.947
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*]	4.800.000.000	2.158.321.336.000	2.158.321.336.000	4.800.000.000
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương [*]	6.336.000.451	6.696.629.574	6.336.000.451	6.696.629.574
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*]	115.000.000.000	70.000.000.000	-	185.000.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	-	367.116.500.000	328.857.500.000	38.259.000.000
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	22.600.000.000	4.028.489.417	18.628.489.417	8.000.000.000
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	-	7.500.000.000	7.500.000.000	-
Cộng	**158.314.635.398**	**2.623.508.604.418**	**2.529.488.975.295**	**252.334.264.521**

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

❖ *Nợ phải trả mua hàng hóa, dịch vụ và phải trả khác*

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải trả trong năm	Đã trả / giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ BD [*]	4.658.415.688	123.047.617.623	122.750.780.855	4.955.252.456
- Công ty CP SXKD Thanh Lễ [*]	70.182.000	81.092.520	132.630.520	18.644.000
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe Cơ giới 61-05D [*]	-	7.000.000.000	-	7.000.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	-	11.620.080.860	11.620.080.860	-
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	544.105.762	4.498.564.313	4.784.201.987	258.468.088
Cộng	**5.272.703.450**	**146.247.355.316**	**139.287.694.222**	**12.232.364.544**

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về báo cáo bộ phận

❖ *Theo khu vực địa lý*

Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

❖ ***Theo lĩnh vực kinh doanh***

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

	Năm nay	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
-	Doanh thu thuần	**19.032.008.580.825**	**473.531.451.736**	**428.377.219.498**	**19.933.917.252.059**
-	Giá vốn hàng bán	(18.750.599.991.996)	(112.659.381.566)	(308.926.585.670)	(19.172.185.959.232)
-	**Lợi nhuận gộp**	**281.408.588.829**	**360.872.070.170**	**119.450.633.828**	**761.731.292.827**
-	Doanh thu HĐ tài chính	14.990.194	-	82.608.594.706	82.623.584.900
-	Chi phí tài chính	(80.083.256.068)	(109.120.959.365)	(96.680.320.204)	(285.884.535.637)
-	Phần lãi, lỗ trong LDLK	-	-	20.713.710.109	20.713.710.109
-	Chi phí bán hàng	(199.030.105.805)	(95.338.621.980)	(27.906.195.766)	(322.274.923.551)
-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(29.839.803.339)	(33.880.840.741)	(35.717.841.381)	(99.438.485.461)
-	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD**	**(27.529.586.189)**	**122.531.648.084**	**62.468.581.292**	**157.470.643.187**
-	Thu nhập khác	-	-	13.692.373.530	13.692.373.530
-	Chi phí khác	(717.445)	-	(8.839.740.835)	(8.840.458.280)
-	**Lợi nhuận khác**	**(717.445)**	**-**	**4.852.632.695**	**4.851.915.250**
-	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**(27.530.303.634)**	**122.531.648.084**	**67.321.213.987**	**162.322.558.437**
-	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.688.458.952)	(27.383.406.889)	(12.276.524.626)	(41.348.390.467)
-	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**(29.218.762.586)**	**95.148.241.195**	**55.044.689.361**	**120.974.167.970**

	Năm trước	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
-	Doanh thu thuần	**24.186.317.825.395**	**875.623.855.766**	**446.275.592.222**	**25.508.217.273.383**
-	Giá vốn hàng bán	(23.836.665.142.491)	(653.875.661.794)	(325.294.739.961)	(24.815.835.544.246)
-	**Lợi nhuận gộp**	**349.652.682.904**	**221.748.193.972**	**120.980.852.261**	**692.381.729.137**
-	Doanh thu HĐ tài chính	30.675.899	-	59.531.469.638	59.562.145.537
-	Chi phí tài chính	(101.553.866.239)	(67.484.234.540)	(75.750.457.470)	(244.788.558.249)
-	Phần lãi, lỗ trong LDLK	-	-	24.102.594.558	24.102.594.558
-	Chi phí bán hàng	(274.039.467.791)	(55.544.871.331)	(26.999.681.831)	(356.584.020.953)
-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(40.961.203.136)	(25.055.900.534)	(34.307.593.039)	(100.324.696.709)
-	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD**	**(66.871.178.363)**	**73.663.187.567**	**67.557.184.117**	**74.349.193.321**
-	Thu nhập khác	1.500.000	-	9.342.415.022	9.343.915.022
-	Chi phí khác	(240.116.242)	-	(4.456.926.065)	(4.697.042.307)
-	**Lợi nhuận khác**	**(238.616.242)**	**-**	**4.885.488.957**	**4.646.872.715**
-	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**(67.109.794.605)**	**73.663.187.567**	**72.442.673.074**	**78.996.066.036**
-	Thuế TNDN hiện hành	(1.644.884.828)	(17.887.189.401)	(16.310.896.096)	(35.842.970.325)
-	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**(68.754.679.433)**	**55.775.998.166**	**56.131.776.978**	**43.153.095.711**

3. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết

Tổng Công ty không có tài sản tiềm tàng và nợ tiềm tàng có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành và có hiệu lực trong năm 2023 sau đây:

- Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất năm 2023. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31/12/2023.

- Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội. Theo đó, giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% xuống 8%. Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/07/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

- Thông tư số 13/2023/TT-BTC ngày 28/02/2023 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 12/2015/NĐ-CP, Nghị định 100/2016/NĐ-CP và Nghị định 146/2017/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2023.

- Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giảm 30% tiền thuê đất của năm 2023 cho các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp. Quyết định có hiệu lực từ ngày 20/11/2023.

- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/04/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, bổ sung nhiều quy định mới quan trọng liên quan đến vấn đề quản lý, sử dụng đất đai. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2023.

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Ngân	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao	Phạm Thị Băng Trang